

UBND XÃ VIỆT YÊN
BAN CHỈ ĐẠO PCGD, XMC

HỒ SƠ
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
ĐẠT CHUẨN PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ
XÃ VIỆT YÊN NĂM 2025

Tháng 10 năm 2025

Số: 116 /TTr-UBND

Yên Mỹ, ngày 25 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thẩm định và công nhận kết quả Phổ cập giáo dục,
xoá mù chữ năm 2025**

Kính gửi:

- Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ tỉnh Hưng Yên;
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.

Ủy ban nhân dân xã Việt Yên đã tự kiểm tra việc thực hiện công tác Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ (PCGD, XMC) trên địa bàn xã và đối chiếu với các tiêu chuẩn tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về PCGD, XMC và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC.

Kết quả tự kiểm tra như sau:

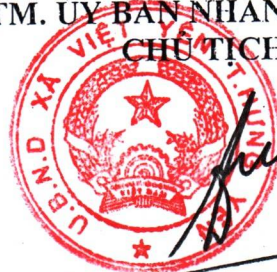
- Đối với GDMN: Đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi;
- Đối với GDTH: Đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3;
- Đối với GDTHCS: Đạt chuẩn phổ cập GDTHCS mức độ 3;
- Đối với Xoá mù chữ: Đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2.

Ủy ban nhân dân xã Việt Yên đề nghị Ban chỉ đạo PCGD, XMC tỉnh Hưng Yên; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên thành lập Đoàn kiểm tra thẩm định và công nhận PCGD, XMC của xã Việt Yên năm 2025.

Nơi nhận:

- BCD PCGD, XMC tỉnh Hưng Yên;
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT (để b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- BCD PCGD, XMC xã Việt Yên;
- Lưu: VT, BCD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VIỆT YÊN**

Số: **655**/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Việt Yên, ngày **25** tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ xã Việt Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VIỆT YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT quy định về nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 15/4/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện công tác PCGD, XMC trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2025; Công văn số 925/SGDDĐT-CTTT-GDTX ngày 18/4/2025 của Sở GDĐT tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025;

Căn cứ Công văn số 298/SGDDĐT-GDPT ngày 04/8/2025 của Sở GDĐT tỉnh Hưng Yên về việc tiếp tục hướng dẫn thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 18/8/2025 của UBND xã Việt Yên về việc thực hiện công tác PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025;

Xét đề nghị của Phòng Văn hoá - Xã hội xã Việt Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) xã Việt Yên gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Trưởng ban

- Ông Đặng Văn Tân Khanh - Phó Chủ tịch UBND xã.

2. Phó Trưởng ban

- Bà Trần Thị Thuý Hoà - Trưởng phòng VH-XH xã.

3. Các ủy viên

- Mời Bà Lương Thị Thom - Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;

- Ông Ngô Ngọc Sơn - Trưởng phòng Kinh tế xã;

- Ông Chu Thế Giang - Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã;

- Bà Lương Thị Tuyết - Giám đốc TT Dịch vụ Văn hóa - Xã hội xã;

- Bà Lương Thị Thanh - Phó Trưởng phòng VH-XH;

- Ông Vũ Đức Thuý - Chuyên viên Phòng VH-XH;

- Bà Lê Thị Thuý Giang - Hiệu trưởng trường THCS Yên Phú;

- Ông Hoàng Hữu Sinh - Hiệu trưởng trường TH Yên Phú;

- Bà Lê Thị Khuyên - Hiệu trưởng trường TH&THCS Thanh Long;

- Bà Lê Thị Lua - Hiệu trưởng trường TH&THCS Yên Hoà;

- Bà Lương Thị Thanh Tuyền - Hiệu trưởng trường TH&THCS Minh Châu;

- Ông Nguyễn Văn Bình - Hiệu trưởng trường TH&THCS Việt Cường;
- Bà Hà Thị Kim Huế - Hiệu trưởng trường MN Yên Phú;
- Bà Đào Thị Liên - Hiệu trưởng trường MN Thanh Long;
- Bà Nguyễn Thị Huyền - Hiệu trưởng trường MN Việt Cường;
- Bà Hà Thị Lan - Hiệu trưởng trường MN Yên Hoà;
- Bà Đỗ Thị Tươi - Hiệu trưởng trường MN Minh Châu.

Điều 2. Nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của Ban Chỉ đạo.

- Triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025 trên địa bàn xã theo đúng quy định; đề nghị UBND tỉnh công nhận kết quả PCGD, XMC năm 2025.

- Trưởng Ban chỉ đạo được sử dụng con dấu của UBND xã để ban hành các văn bản trong quá trình chỉ đạo, điều hành các công việc có liên quan. Phó Trưởng Ban chỉ đạo được sử dụng con dấu của Phòng Văn hóa - Xã hội xã để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

- Các thành viên Ban chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Ban chỉ đạo do Trưởng ban phân công;

- Giao Phòng Văn hóa - Xã hội xã là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo, có trách nhiệm giúp việc Ban chỉ đạo và bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ban chỉ đạo theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội; Thủ trưởng các phòng, cơ quan, đơn vị liên quan; Hiệu trưởng các trường: Mầm non, Tiểu học, THCS, TH&THCS trên địa bàn xã và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở GDĐT;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

Số: 25 /KH-UBND

Việt Yên, ngày 18 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
Thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
xã Việt Yên năm 2025

Căn cứ Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC); Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục về PCGD, XMC;

Thực hiện Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 15/4/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện công tác PCGD, XMC trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2025; Công văn số 925/SGDĐT-CTTT-GDTH ngày 18/4/2025 của Sở GDĐT tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025;

Căn cứ Công văn số 298/SGDĐT-GDPT ngày 04/8/2025 của Sở GDĐT tỉnh Hưng Yên về việc tiếp tục hướng dẫn thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025;

Căn cứ kết quả phổ cập giáo dục mầm non (PCGDMN) cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH), phổ cập giáo dục Trung học cơ sở (PCGDTHCS) và XMC năm 2024; Ủy ban nhân dân xã Việt Yên ban hành Kế hoạch thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về công tác phổ cập giáo dục đến cấp ủy, chính quyền, các tầng lớp nhân dân và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong ngành giáo dục. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ban, ngành, đoàn thể trong việc chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện kế hoạch.

- Tiếp tục củng cố, duy trì và nâng cao kết quả PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi, PCGDTH, PCGDTHCS, XMC; từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ trong trường, cơ sở giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong các trường phổ thông; huy động tối đa học sinh ra lớp và duy trì tốt sĩ số học sinh; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên các đơn vị trường; từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Tổ chức kiểm tra để kịp thời phát hiện và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tại các đơn vị trong việc triển khai thực hiện công tác PCGD, XMC.

- Hoàn thành số liệu PCGD, XMC năm 2025 trên hệ thống thông tin điện tử quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của Bộ giáo dục và Đào tạo (trên file dữ liệu) đúng thời gian qui định.

2. Yêu cầu:

- Việc công nhận PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi, PCGDTH, PCGDTHCS, xóa mù chữ đảm bảo đúng thực chất, nghiêm túc, khách quan, công bằng và theo đúng quy định.

- Kịp thời phát hiện và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tại cơ sở trong việc triển khai thực hiện công tác PCGD, XMC.

- Điều tra, rà soát, thu thập số liệu PCGD, XMC năm 2025 trên địa bàn xã đảm bảo đầy đủ, chính xác, tránh bỏ sót.

- Số liệu phải khớp ở từng độ tuổi, từng cấp học trên địa bàn xã.

II. MỤC TIÊU

1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Duy trì đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi.

1.1. Về trẻ 5 tuổi.

- Huy động trẻ đến nhà trẻ đạt tỷ lệ 45%; trẻ đến lớp mẫu giáo đạt tỷ lệ 98,5%;

- Trẻ em 5 tuổi đến lớp và hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 100%.

1.2. Điều kiện về đội ngũ.

- Đủ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi theo quy định;
- 100% giáo viên được hưởng chế độ chính sách theo quy định;
- 100% giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt trình độ chuẩn theo quy định và đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo Thông tư của Bộ GD&ĐT;
- Có người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn.

1.3. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

- Tỷ lệ phòng học trên lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt 1,0 phòng/lớp; phòng học được xây kiên cố hoặc bán kiên cố; an toàn, đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè, đảm bảo diện tích tối thiểu 1,5m²/trẻ;
- 100% lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ đồ dùng đồ chơi thiết bị tối thiểu theo quy định;

- Có sân chơi xanh, sạch, đẹp và đồ chơi ngoài trời được sử dụng thường xuyên, an toàn, có nguồn nước sạch và hệ thống thoát nước, đủ công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh.

2. Phổ cập giáo dục tiểu học.

Duy trì đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3, với các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

2.1. Đối với trẻ (Trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi)

- Đảm bảo 100% số trẻ 6 tuổi vào học lớp 1;
- Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt tỷ lệ từ 98,5% trở lên, số trẻ đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt tỷ lệ trên 99,5%, không có học sinh tiểu học bỏ học.

2.2. Điều kiện về đội ngũ giáo viên

- Đủ giáo viên và nhân viên theo quy định;
- 100% số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- 100% số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo quy định;
- Có người theo dõi công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại địa bàn.

2.3. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thực hiện quy trình điều tra, nhập dữ liệu, xử lý và khai thác số liệu tại hệ thống phần mềm (file dữ liệu) đảm bảo chính xác, không sai sót.

- Chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, gắn công tác nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện với nâng cao kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

4. Duy trì, củng cố PCGD, XMC đối với người trong độ tuổi.

- Căn cứ kết quả PCGD, XMC năm 2024, tiếp tục điều tra, rà soát, bổ sung các thông tin các đối tượng diện PCGD, XMC.

- Tích cực tổ chức thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, hạn chế học sinh bỏ học, góp phần duy trì và củng cố nâng cao kết quả PCGD, XMC; vận động các đối tượng thuộc diện mù chữ trên địa bàn tham gia lớp học xóa mù chữ; lưu trữ hồ sơ PCGD, XMC đúng quy định.

5. Tổ chức rà soát, điều tra, cập nhật và xử lý số liệu, kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC.

5.1. Nhiệm vụ chung.

- Tiến hành tổ chức rà soát, điều tra, thu thập và điền các thông tin trên phiếu điều tra đảm bảo đúng, đủ, chính xác, rõ ràng;

- Cử người phụ trách việc cập nhật thông tin trên phiếu điều tra vào hệ thống thông tin điện tử quản lý PCGD, XMC (file dữ liệu) đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy trình và thống nhất số liệu giữa các bảng thống kê.

- Lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, tổ chức kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC ở các cấp phải thực hiện theo đúng quy định.

5.2. Nhiệm vụ cụ thể và thời gian thực hiện.

- Điều tra, cập nhật thông tin trên phiếu điều tra, hoàn thành **trước 05/9/2025**;

- Điều tra, cập nhật thông tin vào hệ thống thông tin điện tử, biểu mẫu...và hoàn thành **trước ngày 25/9/2025**

- Tự kiểm tra, báo cáo số liệu thống kê và hoàn thành hồ sơ PCGD, XMC xong **trước ngày 01/10/2025**.

- Chuẩn bị hồ sơ, minh chứng, các biểu số liệu thống kê theo đúng nội dung đề nghị công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC của xã gửi về Sở GDĐT (qua phòng Giáo dục phổ thông) **trước ngày 10/10/2025**.

6. Tăng cường phối hợp công tác giữa các ngành có liên quan; đẩy mạnh xã hội hoá công tác PCGD, XMC

- Tăng cường sự phối hợp công tác giữa các cơ quan, ngành, đoàn thể, các tổ chức có liên quan, các đồng chí trưởng các thôn thực hiện tốt công tác PCGD, XMC trên địa bàn xã.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phổ cập giáo dục với nhiều hình thức đa dạng, phong phú thông qua hội nghị của các ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn xã.

7. Điều kiện bảo đảm PCGD-XMC

Thực hiện theo Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT quy định về nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC.

8. Tiêu chuẩn, thẩm quyền, hồ sơ, nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC

Thực hiện theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, trong đó huy động được ít nhất 60% người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục.

Căn cứ lịch tự kiểm tra PCGD-XMC xã Việt Yên, các cơ sở giáo dục chuẩn bị hồ sơ để theo thứ tự gồm:

- Các trường Mầm non hồ sơ gồm:
 - + Phiếu điều tra giấy các thôn (phụ trách);
 - + Biên bản bàn giao trẻ 5 tuổi vào lớp 1 kèm danh sách;
 - + Danh sách trẻ hoàn thành chương trình giáo dục Mầm non 5 tuổi;
 - + Danh sách học sinh theo lớp của nhà trường;
 - + Sổ theo dõi phổ cập.
- Các trường Tiểu học, TH&THCS hồ sơ gồm:
 - + Phiếu điều tra giấy các thôn (phụ trách);
 - + Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến;
 - + Biên bản bàn giao trẻ 5 tuổi vào lớp 1;
 - + Biên bản danh sách học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học;
 - + Danh sách học sinh theo lớp của nhà trường;
 - + Sổ theo dõi phổ cập.
- Các trường THCS, TH&THCS hồ sơ gồm:
 - + Phiếu điều tra giấy các thôn (phụ trách);
 - + Danh sách học sinh chuyển đi, chuyển đến, bỏ học;
 - + Danh sách tuyển sinh học sinh lớp 6;
 - + Danh sách học sinh tốt nghiệp THCS;
 - + Danh sách học sinh theo lớp của nhà trường;
 - + Sổ theo dõi phổ cập.

9. Kinh phí

Thực hiện theo Thông tư số 07/2018/TT-BTC ngày 24/01/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” và các văn bản hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Ban Chỉ đạo PCGD, XMC.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện PCGD, XMC cấp xã;
- Tham mưu cho UBND xã chỉ đạo, triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phối hợp thực hiện nhiệm vụ với các phòng, ban, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện công tác PCGD trên địa bàn xã;
- Chủ động tham gia kiểm tra, đôn đốc đánh giá công tác PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi, PCGDTH, PCGDTHCS và xoá mù chữ tại xã;
- Thành lập tổ điều tra liên cấp (CB, GV, NV trường MN, TH, THCS), tổ chức tập huấn nghiệp vụ điều tra, tiến hành điều tra và cập nhật số liệu lên hệ

thống thông tin quản lý PCGD, XMC (file dữ liệu) đảm bảo chính xác, đúng thời gian quy định;

- Thống kê kết quả PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi, PCGDTH, PCGDTHCS, xoá mù chữ; tự kiểm tra, đánh giá kết quả PCGD; tổ chức lập hồ sơ, cập nhật dữ liệu trên phần mềm quản lý PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT (file dữ liệu);

- Hoàn thiện hồ sơ PCGD, XMC; Báo cáo kết quả thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025 và lập Tờ trình đề nghị UBND tỉnh thành lập đoàn kiểm tra, thẩm định và công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC;

- Chỉ đạo các nhà trường trên địa bàn chuẩn bị chu đáo kế hoạch huy động tất cả học sinh đi học đầy đủ, bao gồm số học sinh tuyển mới, số lưu ban, số lên lớp, số bỏ học đi học lại, chuẩn bị cho “Ngày toàn dân đưa trẻ em đến trường”.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Chủ trì, phối hợp các phòng, ngành liên quan tham mưu UBND xã thành lập Ban Chỉ đạo công tác PCGD, XMC; xây dựng, ban hành và triển khai, chỉ đạo thực hiện Kế hoạch công tác PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025 và các văn bản theo quy định;

- Rà soát, tham mưu UBND xã công tác tổ chức điều động, luân chuyển cán bộ, giáo viên theo thẩm quyền nhằm đảm bảo cho hoạt động dạy và học của các nhà trường theo quy định;

- Triển khai, chỉ đạo các nhà trường trên địa bàn làm tốt công tác tuyển sinh, các điều kiện phục vụ cho khai giảng năm học mới và tổ chức hoạt động dạy và học; Tổ chức tập huấn công tác phổ cập; thành lập tổ điều tra liên cấp (CB, GV, NV trường MN, TH, THCS), tổ chức điều tra, cập nhật số liệu trên hệ thống quản lý PCGD, XMC (file dữ liệu) đảm bảo chính xác, đúng thời gian quy định.

3. Phòng Kinh tế.

- Chủ trì, phối hợp các phòng, ngành liên quan tham mưu UBND xã huy động và đầu tư nguồn lực xây dựng các phòng học, phòng chức năng, các công trình hỗ trợ cho các nhà trường đáp ứng với tình hình thực tiễn và theo quy định.

- Đề xuất phương án quy hoạch sử dụng đất và bố trí các công trình phụ trợ, sân chơi, bãi tập cho hoạt động dạy và học của các nhà trường trên địa bàn xã mang tính chiến lược và tầm nhìn của xã đạt chuẩn đô thị loại 4.

4. Các đơn vị trường học trên địa bàn xã (MN, TH, THCS, TH&THCS).

- Triển khai, chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kế hoạch thực hiện công tác PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025 và các văn bản liên quan đến các đối tượng liên quan của đơn vị mình theo quy định.

- Chủ động phân công giáo viên vào các tổ điều tra, phối hợp với các đồng chí Trưởng thôn rà soát dữ liệu và lấy chữ kí.

- Chủ động báo cáo UBND xã tình trạng thiếu giáo viên (thông qua Phòng VH-XH); đề xuất các giải pháp huy động nguồn giáo viên thỉnh giảng, đáp ứng nhu cầu giáo viên dạy học theo yêu cầu của chương trình.

- Chủ động báo cáo tình hình về cơ sở vật chất của đơn vị.

5. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội.

5.1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Phân công trách nhiệm và hướng dẫn các tổ chức thành viên xây dựng các chương trình, kế hoạch phối hợp hành động để tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện công tác PCGD, XMC. Đưa nội dung xóa mù chữ vào cuộc vận động **“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”**.

- Chỉ đạo các cấp hội đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho phụ nữ và trẻ em gái về sự cần thiết phải biết chữ;

- Phối hợp với các trường điều tra, vận động và tổ chức các lớp học xóa mù chữ cho người dân;

- Đề xuất với các cơ quan chức năng xây dựng chính sách hỗ trợ phụ nữ, trẻ em gái học xóa mù chữ; tạo cơ hội, điều kiện cho phụ nữ, trẻ em gái sau khi học chữ được học nghề, làm nghề để củng cố kết quả biết chữ, hạn chế tình trạng tái mù chữ và ổn định cuộc sống của gia đình.

- Phối hợp thực hiện công tác điều tra PCGD, XMC; vận động thanh, thiếu niên chưa biết chữ tham gia học xóa mù chữ; tổ chức phong trào học sinh, sinh viên tình nguyện dạy xóa mù chữ cho người dân.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị trường học, các đoàn thể tổ chức điều tra; vận động và tổ chức các lớp học xóa mù chữ cho người dân.

5.2. Hội khuyến học.

- Phối hợp với các đơn vị trường học thực hiện công tác PCGD, XMC; nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; tổ chức các lớp học xóa mù chữ và các lớp chuyên đề để củng cố kết quả biết chữ.

- Tổ chức vận động các gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư tích cực vận động người chưa biết chữ tham gia các lớp XMC.

- Giữ vai trò nòng cốt trong việc khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Lan toả phong trào **“Học tập thường xuyên”**, **“Học tập suốt đời”** phát huy vai trò và nhân rộng các mô hình **“Gia đình học tập”**, **“Dòng họ học tập”**, **“Đơn vị học tập”**, **“Cộng đồng học tập”**, **Cộng dân học tập”**.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ xã Việt Yên năm 2025; UBND xã yêu cầu Ban Chỉ đạo PCGD, XMC xã; các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND;
- BCĐ PCGD, XMC xã;
- Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Văn Tân Khanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VIỆT YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 190/BC-UBND

Việt Yên, ngày 16 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Tổ chức thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Nghị định số 20/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC); Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC;

Thực hiện Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 18/08/2025 của UBND xã Việt Yên về việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ xã Việt Yên năm 2025;

Thực hiện Công văn số 01/BCĐ-PCGD ngày 26/8/2025 của Ban chỉ đạo PCGD-XMC xã Việt Yên về việc hướng dẫn thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025; Ủy ban nhân dân xã Việt Yên báo cáo quá trình tổ chức thực hiện và kết quả PCGD, XMC năm 2025 như sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND xã Việt Yên, Phòng Văn hóa - Xã hội xã Việt Yên trong công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC), từ khâu ban hành các văn bản hướng dẫn và tổ chức các lớp tập huấn cho các thành viên làm công tác PCGD, XMC.

- Các ban ngành đoàn thể trong xã đồng hành, chia sẻ cùng với Ban chỉ đạo công tác PCGD, XMC trong suốt quá trình xây dựng kế hoạch, điều tra phổ cập và đến khi hoàn thiện hồ sơ PCGD, XMC.

- Ban Giám hiệu, các cán bộ, giáo viên, nhân viên của 3 cấp học trong xã nhiệt tình, có trách nhiệm, có tinh thần vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ PCGD, XMC năm 2025.

II. Khó khăn

- Công tác PCGD, XMC năm 2025, gặp nhiều khó khăn, do chưa có phần mềm phổ cập của Bộ, các xã sáp nhập, dữ liệu điều tra lớn, thông tin các trường xã ngoài sau khi thay đổi chưa đồng bộ, chưa có mã cụ thể.

- Biến động lớn về con người, hộ khẩu có thể ở địa phương, nhưng sinh sống và làm việc ở xã, tỉnh khác, việc rà soát đồng bộ dữ liệu về dân cư, điều tra phổ cập cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc.

Phần II

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Hoạt động của UBND xã

- UBND xã Việt Yên xây dựng Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 18/08/2025 về việc thực hiện công tác PCGD, XMC;
- UBND xã ban hành Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025;
- Ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 27/8/2025 về việc thành lập Tổ chuyên môn giúp việc Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên;
- Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên ban hành Công văn số 01/BCĐ-PCGD ngày 26/8/2025 về việc hướng dẫn thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025; Giấy triệu tập số 02/GTrT-BCĐ ngày 10/9/2025 của Ban chỉ đạo PCGD, XMC năm 2025 về việc nắm bắt tình hình, kết quả thực hiện công tác PCGD, XMC tại các đơn vị; Giấy triệu tập số 03/GTrT-BCĐ ngày 22/9/2025 của Ban chỉ đạo PCGD, XMC năm 2025 về việc nắm bắt tình hình, kết quả thực hiện, giải quyết những thắc mắc trong quá trình thực hiện tại các đơn vị;
- Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 10/10/2025 của UBND xã Việt Yên về việc thành lập Đoàn tự kiểm tra, đánh giá PCGD, XMC năm 2025;
- Trình Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên kiểm tra, thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2025.

2. Hoạt động của Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã

- Tuyên truyền, quán triệt đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, nhân dân các văn bản chỉ đạo đến công tác PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025.
- Tập huấn, tham gia tập huấn nghiệp vụ PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025.
- Tổ chức rà soát, điều tra, thu thập thông tin trên phiếu điều tra và nhập liệu vào hệ thống thông tin phổ cập giáo dục, xóa mù chữ:
 - + Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung tâm học tập cộng đồng cấp xã trong việc thực hiện kế hoạch PCGD, XMC.
 - + Rà soát, điều tra, thu thập thông tin đầy đủ, chính xác; điền các thông tin trên phiếu điều tra.
 - + Tổ chức nhập liệu vào hệ thống phần mềm PCGD, XMC (UBND xã mua phần mềm, do chưa có phần mềm của Bộ GD&ĐT) - Bên cung cấp phần mềm: Công ty Cổ phần đầu tư Phát triển và chuyển giao Công nghệ Việt Nam.

+ Phân công người phụ trách, theo dõi tiến độ thực hiện và độ chính xác của cập nhật thông tin, báo cáo phòng VH-XH về các vấn đề phát sinh trong cập nhật dữ liệu lên phần mềm quản lý PCGD, XMC.

- Thành lập đoàn tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC trên địa bàn xã.
- Hoàn thiện hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, trình Sở GD&ĐT tỉnh Hưng Yên kiểm tra, công nhận xã đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2025.
- Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ phổ cập đúng quy định.

3. Hoạt động của các nhà trường MN, TH, THCS

- Trường THCS là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp xã. Các nhà trường tiếp nhận các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT, UBND xã Việt Yên, Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên. Tham mưu cho UBND xã và Ban chỉ đạo hướng dẫn cán bộ xã, thôn và giáo viên, nhân viên các nhà trường thực hiện công tác PCGD, XMC theo tinh thần của Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

- Tham mưu cho UBND xã thành lập Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ thành viên Ban chỉ đạo, Kế hoạch thực hiện PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025.

- Phân công cán bộ của 11 nhà trường THCS, TH, MN trực tiếp thu thập dữ liệu, cập nhật thông tin lên Hệ thống quản lý thông tin PCGD, XMC đảm bảo chính xác hoá dữ liệu.

- Rà soát các tiêu chuẩn, điều kiện đảm bảo PCGD, XMC theo quy định và phối hợp với Ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp xã tham mưu cho UBND xã thực hiện công tác tự kiểm tra các tiêu chuẩn PCGD, XMC; hoàn thiện hồ sơ đề nghị UBND tỉnh kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC.

- Tham mưu cho UBND xã hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ làm công tác PCGD, XMC và hoàn thiện hồ sơ theo quy định của xã, Sở GD&ĐT và Bộ GD&ĐT.

4. Hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể xã

4.1. UBMTTQ Việt Nam xã

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

UBMTTQ Việt Nam xã đã làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương về công tác tuyên truyền, phân công nhiệm vụ cho các Ban ngành đoàn thể; các tổ chức chính trị trong xã; Các đồng chí trưởng thôn của 25 thôn về mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ của công tác PCGD, XMC.

4.2. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM xã tích cực tham gia cùng các tổ điều tra xuống các hộ dân đồng thời xác nhận thông tin ban đầu quan trọng cho tổ điều tra.

4.3. Hội Liên hiệp Phụ nữ xã

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Hội Liên hiệp Phụ nữ xã đã tích cực đồng hành cùng các thành viên của tổ điều tra các buổi tối, các ngày nghỉ để xác minh các hộ gia đình phức tạp; các địa bàn ở xã khu trung.

4.4. Hội Khuyến học xã

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Hội khuyến học xã cung cấp thông tin học sinh đỗ Đại học - Cao đẳng năm học 2023-2024 và năm học 2024-2025.

4.5. Hội Người cao tuổi xã

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Hội Người cao tuổi xã đã cùng các thành viên trong tổ điều tra PCGD-XMC xác minh thông tin của các cá nhân trên 50 tuổi và dưới 60 tuổi về hoàn thành chương trình tiểu học, THCS.

4.6. Hội Cựu Chiến binh xã

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Hội Cựu chiến binh xã đã đồng hành cùng các tổ điều tra tới các địa bàn xa trung tâm, các gia đình phức tạp, tạo tâm lý an tâm cho các thành viên trong tổ điều tra.

4.7. Tài chính - Kế toán

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Phòng Tài chính tham mưu UBND xã để cấp nguồn kinh phí hoạt động cho công tác thực hiện PCGD, XMC

4.8. Tư pháp - Hộ tịch

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Cung cấp dữ liệu trẻ mới sinh, người đã mất hoặc chuyển đi đến trong độ tuổi 0-60 tuổi cho Ban chỉ đạo PCGD, XMC

4.9. Lãnh đạo các thôn, xóm

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Các đồng chí Trưởng thôn tích cực trong việc rà soát các đối tượng trong độ tuổi điều tra PCGD, XMC; đồng hành cùng các thành viên của tổ điều tra các buổi tối, các ngày nghỉ để xác minh các hộ gia đình đi làm cả ngày.

II. KẾT QUẢ

1. Số liệu chung

TT	Xã/phường/thị trấn	Số thôn	Số hộ dân	Số hộ đã được rà soát, điều tra	Tỉ lệ số hộ được rà soát, điều tra (%)
1	Xã Việt Yên	25	9.622	9.622	100%

2. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi:

a) Tình hình trẻ em 5 tuổi

TT	Xã/phường/thị trấn	Trẻ em 5 tuổi					Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng số (2025-2026)	Số trẻ đến lớp (2025-2026)	Tỷ lệ trẻ đến lớp (%)	Số trẻ hoàn thành chương trình GD mầm non (2024-2025)	Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình GD mầm non (2024-2025) (%)	
1	Xã Việt Yên	622	622	100%	667	100%	Đạt

b) Đội ngũ giáo viên, nhân viên:

TT	Xã/phường/thị trấn	Số lớp mẫu giáo 5 tuổi	Tình hình giáo viên						Đánh giá đạt/không đạt
			Tổng số	Số được hưởng chế độ theo quy định hiện hành	Số dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi	Số dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn trình độ	Định biên GV/lớp 5 tuổi	Số dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn nghề nghiệp	
1	Xã Việt Yên	27	193	193	39	39	1,44	39	Đạt

Đánh giá đội ngũ giáo viên, nhân viên:

- Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định; đảm bảo quyền lợi về lương, phụ cấp, bảo hiểm và chế độ khác theo quy định.

- Tỷ lệ giáo viên đứng lớp đảm bảo theo quy định.

- Đội ngũ có ý thức trách nhiệm cao, đoàn kết, tích cực đổi mới phương pháp chăm sóc – giáo dục trẻ, ứng dụng công nghệ thông tin và giáo dục STEAM trong hoạt động.

+ Giáo viên dạy lớp 5 tuổi:

- 100% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT.
100% giáo viên 5 tuổi đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt, khá.

- Giáo viên có kinh nghiệm, kỹ năng sư phạm vững vàng, nắm chắc chương trình giáo dục mầm non, biết lồng ghép nội dung chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 một cách nhẹ nhàng, hiệu quả.

*** Hạn chế:**

- Một số giáo viên trình độ tin học, kỹ năng ứng dụng CNTT trong giảng dạy còn hạn chế, chưa linh hoạt khi sử dụng học liệu số.

+ Giải pháp khắc phục hạn chế trong thời gian tới:

- Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên thông qua các hình thức sinh hoạt chuyên môn, thao giảng, dự giờ, học tập qua mạng, bồi dưỡng thường xuyên theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học, hướng dẫn giáo viên khai thác hiệu quả học liệu số, thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng phần mềm hỗ trợ đánh giá trẻ.

- Khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng mềm, phát triển năng lực nghề nghiệp theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, tồn tại trong đội ngũ để có hướng hỗ trợ, điều chỉnh phù hợp.

c) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

TT	Xã/phường/ thị trấn	Số lớp mẫu giáo 5 tuổi	Số phòng học cho lớp mẫu giáo 5 tuổi	Số phòng học kiên cố hoặc bán kiên cố, an toàn	Số phòng sinh hoạt chung bảo đảm diện tích tối thiểu 1,5m ² /trẻ	Số phòng sinh hoạt chung đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè quạt mát	Số lớp mẫu giáo 5 tuổi đủ đồ chơi, thiết bị tối thiểu	Số sân chơi	Có đủ nguồn nước sạch	Đánh giá đạt/k hông đạt
1	Xã Việt Yên	27	27	0	Đảm bảo	Đảm bảo	27	27	Có	Đạt

Đánh giá ưu điểm, hạn chế và giải pháp khắc phục trong thời gian tới về các nội dung (theo Thông tư 07) sau:

- Các phòng học dành cho lớp 5 tuổi: 100% các phòng học dành cho trẻ em 5 tuổi là kiên cố cao tầng, an toàn, đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè. Các nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hoá lắp đặt được hệ thống điều hoà không khí ở các lớp học. Diện tích các phòng học tính trên đầu trẻ đạt yêu cầu theo quy định về tiêu chuẩn phổ cập.

- Số lớp mẫu giáo 5 tuổi: Được trang bị đồ dùng, đồ chơi và thiết bị dạy học theo qui định của Bộ GD&ĐT về danh mục đồ dùng, đồ chơi tối thiểu. Hằng năm các trường đều dành nguồn ngân sách hoặc vận động xã hội hoá từ nhân dân để đầu tư mua sắm bổ sung đồ dùng đồ chơi cho các lớp học.

- Bố trí sân chơi; 100% sân chơi thoáng mát, an toàn và trang bị đủ đồ chơi ngoài trời, hệ thống nước sạch đảm bảo đầy đủ hợp vệ sinh tạo điều kiện tốt nhất trong việc chăm sóc nuôi dưỡng trẻ, các công trình vệ sinh được bố trí thuận tiện, sạch sẽ và hợp vệ sinh.

- Tồn tại:

Đồ chơi cho trẻ còn thiếu và chưa được cập mới bổ sung định kì, khu vực vui chơi của các con chưa được quy hoạch tổng thể, khép kín... không gian còn thiếu.

- Giải pháp:

Đề nghị các đơn vị bổ sung đồ chơi, thiết bị ngoài trời cho học sinh mầm non kịp thời, định kì hằng năm.

Kết quả PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Đạt

3. Phổ cập giáo dục tiểu học:

a) Tỷ lệ trẻ được huy động

- Mức độ 1:

TT	Xã/phường/thị trấn	Trẻ em 6 tuổi			Trẻ em 14 tuổi			Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng số	Số trẻ vào lớp 1	Tỷ lệ vào lớp 1 (%)	Tổng số	Số trẻ HTCT tiểu học	Tỷ lệ trẻ HTCT tiểu học (%)	
1	Xã Việt Yên	667	667	100%	678	675	99,55%	Đạt

- Mức độ 2 và mức độ 3:

TT	Xã/phường/thị trấn	Trẻ 6 tuổi			Trẻ 11 tuổi				Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng số	Số trẻ vào lớp 1	Tỷ lệ vào lớp 1 (%)	Tổng số	HTCT tiểu học	Tỷ lệ HTCT tiểu học (%)	Số đang học tiểu học	
1	Xã Việt Yên	667	667	100%	751	717	95,47	33	Đạt

b) Đội ngũ giáo viên, nhân viên:

TT	Xã/phường/thị trấn	Giáo viên					Số người theo dõi công tác PCGD, XMC	Số nhân viên	Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng số	Số đạt chuẩn trình độ	Tỷ lệ đạt chuẩn trình độ (%)	Số đạt chuẩn nghề nghiệp	Tỷ lệ đạt chuẩn nghề nghiệp (%)			
1	Xã Việt Yên	138	138	100%	138	100%	138	7	Đạt

Đánh giá đội ngũ giáo viên, nhân viên:

- Ưu điểm:

- + Tỷ lệ giáo viên/lớp: 138/104, đạt tỉ lệ 1,33 giáo viên/lớp
- + Số giáo viên đạt trình độ chuẩn đào tạo: 138/138 người, tỉ lệ đạt 100%
- + Số giáo viên trên chuẩn: 01 người, tỉ lệ 0,72%.
- + Giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp (giáo viên tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó xếp loại xuất sắc và khá đạt 100%; Số cán bộ giáo viên được phân công theo dõi phổ cập của các xã: 138 người)

- Hạn chế:

- + Tỷ lệ giáo viên chưa đáp ứng dạy 2 buổi/ngày
- Giải pháp khắc phục hạn chế trong thời gian tới:
- + Đề xuất với Sở GD&ĐT, UBND tỉnh Hưng Yên tuyển dụng giáo viên để đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp thực hiện dạy 2 buổi/ ngày
- + Tiếp tục cử giáo viên đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

c) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

TT	Xã/phường/thị trấn	Số lớp	Số phòng học	Tỷ lệ phòng/lớp	Đánh giá đạt/không đạt
1	Xã Việt Yên	104	104	1/1	Đạt

Đánh giá ưu điểm, hạn chế và giải pháp khắc phục trong thời gian tới về các nội dung (theo Thông tư 07) sau:

- Ưu điểm:

+ Mạng lưới trường Tiểu học (được bố trí tại trung tâm của các cụm xã, thuận lợi về giao thông, học sinh đi học thuận lợi và an toàn)

+ Số phòng học đạt tỷ lệ (đảm bảo so với quy định, tỷ lệ các phòng học được xây dựng kiên cố cao tầng đúng quy định cao, an toàn; có đủ bàn ghế học sinh phù hợp với lứa tuổi và đủ thiết bị dạy học theo quy định; phòng học thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông; các phòng chức năng đủ theo quy định, thuận lợi cho việc quản lý, điều hành hoạt động của các nhà trường)

+ Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; đồ dùng dạy học và thiết bị dạy học được các nhà trường và giáo viên thường xuyên sử dụng đúng mục đích.

+ Có đủ sân chơi có diện tích đảm bảo, phù hợp, được thường xuyên sử dụng; môi trường cảnh quan của các nhà trường sạch sẽ, vệ sinh, đẹp; có đủ nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước đảm bảo; công trình vệ sinh của giáo viên và học sinh được xây dựng phù hợp, thuận tiện và hợp vệ sinh, có khu vệ sinh nam và nữ riêng biệt.

- Tồn tại:

+ Một số trường đang xây dựng diện tích sân chơi bị thu hẹp do tập kết vật liệu xây dựng (trường Tiểu học Yên Phú)

- Biện pháp khắc phục:

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng để đưa phòng học vào sử dụng và hoàn thiện công trình phụ trợ (sân chơi, hệ thống thoát nước,...). Quy hoạch tổng thể về cảnh quan sân trường sớm, và bổ sung đầy đủ kịp thời, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của ngành, theo tỉ lệ học sinh...

Kết quả PCGD tiểu học: Đạt mức độ 3

4. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở:

a) Tình hình thanh thiếu niên 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THCS, đang học THPT hoặc GDTX cấp THPT, hoặc giáo dục nghề nghiệp (GDNN)

T T	Xã/phường/thị trấn	Đạt chuẩn PCGD TH mức độ	Đạt chuẩn XMC mức độ	Tình hình thanh thiếu niên 15 đến 18 tuổi					Đánh giá đạt/không đạt
				Tổng số	Số tốt nghiệp THCS	Tỷ lệ tốt nghiệp THCS (%)	Số đang học THPT hoặc GDTX hoặc GDNN	Tỷ lệ đang học THPT hoặc GDTX hoặc GDNN (%)	
1	Xã Việt Yên	3	2	2448	2396	97,87	2279	93,1	Đạt

b) Đội ngũ giáo viên, nhân viên:

TT	Xã/phường/thị trấn	Giáo viên					Số nhân viên	Số người theo dõi công tác PCCD, XMC	Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng Số	Số đạt chuẩn trình độ	Tỷ lệ đạt chuẩn trình độ (%)	Số đạt chuẩn nghề nghiệp	Tỷ lệ đạt chuẩn nghề nghiệp (%)			
1	Xã Việt Yên	103	103	100%	103	100%	11	113	Đạt

Đánh giá đội ngũ giáo viên, nhân viên:

- Ưu điểm:

Định biên giáo viên và nhân viên theo quy định của phổ cập giáo dục THCS; giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên 91 người, trong đó trên chuẩn có 91/91 đạt 100%; 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Có đủ số người được phân công phụ trách theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Đạt tỉ lệ 1,28 giáo viên/lớp.

- Hạn chế (hạn chế chung và hạn chế của trường cụ thể nếu có):

+ Một số trường thiếu giáo viên, thiếu phòng học, dẫn đến học 2 buổi/ngày của các nhà trường có gặp khó khăn, giáo viên phải dạy tăng giờ cao hơn định mức quy định... đặc biệt như Trường THCS Yên Phú. Có những giáo viên phải chủ nhiệm 2 lớp, số tiết dạy/tuần có những người gấp đôi với số tiết thực dạy theo quy định.

+ Nhân viên y tế học đường chưa có, các vị trí việc làm dùng chung tại một số nhà trường chưa đảm bảo, thiếu.

+ Trường TH&THCS Việt Cường, thiếu giáo viên các bộ môn, khiến 1 giáo viên phải dạy nhiều môn, nhiều khối lớp... dẫn đến công tác điều tra phổ cập của nhiều thôn cũng gặp khó khăn do thiếu nhân sự...

- Giải pháp khắc phục hạn chế trong thời gian tới:

+ Bổ sung biên chế mới, luân chuyển các trường thừa về trường thiếu, đảm bảo đủ tiết dạy cơ bản và tăng giờ trong quy định của Luật lao động. Tuyên truyền giáo viên nâng cao tinh thần nhiệt huyết, tâm huyết với công tác giảng dạy khi phải dạy nhiều điểm trường...

+ Tăng cường nhân viên y tế ở các trạm y tế luân phiên trực tại các nhà trường, do việc phát sinh các học sinh.

c) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

TT	Xã/phường/thị trấn	Số lớp	Số phòng học	Tỷ lệ phòng/lớp	Đánh giá đạt/không đạt
1	Xã Việt Yên	71	72	1,01	Đạt

Đánh giá ưu điểm, hạn chế và giải pháp khắc phục trong thời gian tới về các nội dung (theo Thông tư 07) sau:

Ưu điểm:

- Tỷ lệ phòng học/lớp: 72/71 lớp (đạt tỷ lệ 1,01 phòng/lớp đảm bảo yêu cầu về phòng lớp học theo quy định của phổ cập GDTHCS, phòng làm việc của các đơn vị đảm bảo, có đủ phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng

hợp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện và phòng thí nghiệm)

- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; (Sử dụng thường xuyên, khai thác hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học có trong nhà trường để giảng dạy. Sắp xếp đồ dùng, thí nghiệm khoa học, phù hợp, dễ lấy, dễ sử dụng)

- Có đủ sân chơi và bãi tập đảm bảo diện tích theo quy định của Bộ GD&ĐT và được thường xuyên sử dụng; Có đủ nguồn nước hợp vệ sinh, sạch, hệ thống thoát nước đảm bảo; Có đủ công trình vệ sinh cho giáo viên và học sinh, đảm bảo phân khu riêng biệt nam nữ.

Tồn tại:

+ Thực hiện công tác điều tra phổ cập còn nhiều khó khăn, do số lượng dân di chuyển vùng do thay đổi nơi làm việc, dân số đông, biến động chuyển đi - đến nhiều... file dữ liệu gốc theo mã trường, tên trường mới sau khi cập nhật địa giới hành chính chưa có thông tin đồng bộ chính xác.

+ Thiếu đồ dùng học tập, phòng học, thiết bị ... phục vụ công tác giảng dạy chưa được cấp phát thường xuyên, bổ sung định kỳ. Như máy tính, các bộ môn Vật lý, Công nghệ... Chưa có nhà đa năng, phòng tập, thiếu nhà vệ sinh cho học sinh hoặc nhà vệ sinh đã xuống cấp, hết thời gian khấu hao... chưa có nguồn sửa chữa, nâng cấp hàng năm. Nhiều năm chưa được cấp bổ sung thiết bị dạy học, thủ tục mua sắm tập trung ít được đầu tư bổ sung trang thiết bị dạy học cơ bản, các phòng chức năng chưa có đủ thiết bị để dạy học... cơ sở vật chất còn thiếu.

Biện pháp khắc phục:

+ Theo dõi chi tiết, chính xác từng nhà trường các trường hợp biến động, sinh mới, chết, chuyển đi - chuyển đến....

Kết quả PCGD trung học cơ sở: Đạt chuẩn mức độ 3

5. Xóa mù chữ:

a) Biết chữ mức độ 1 (hoàn thành giai đoạn 1 của chương trình XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ hoặc lớp 3 chương trình GD tiêu học):

TT	Xã/phường/thị trấn	Dân độ tuổi 15 đến 35				Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng số	Số dân biết chữ mức độ 1	Tỷ lệ biết chữ mức độ 1	Số chưa biết chữ mức độ 1	
1	Xã Việt Yên	13.313	13.313	100%	0	Đạt

b) Biết chữ mức độ 2 (hoàn thành giai đoạn 2 của chương trình XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ hoặc lớp 5 chương trình GD tiêu học):

TT	Xã/phường/thị trấn	Dân độ tuổi 15 đến 60				Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng số	Số dân biết chữ mức độ 2	Tỷ lệ biết chữ mức độ 2	Số dân chưa biết chữ mức độ 2	
1	Xã Việt Yên	27.566	27.566	100%	0	Đạt

c) Đội ngũ giáo viên, nhân viên:

TT	Xã/phường/thị trấn	Số người theo dõi công tác PCGD, XMC	Đánh giá có khả năng huy động đủ/không đủ giáo viên đạt chuẩn trình độ để tham gia dạy XMC	Đánh giá đạt/không đạt
1	Xã Việt Yên	113	Đủ	Đạt

d) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

TT	Xã/phường/thị trấn	Đánh giá có khả năng huy động đủ/không đủ điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị để dạy học XMC
1	Xã Việt Yên	Đủ điều kiện

Kết quả đạt chuẩn xóa mù chữ: Đạt mức độ 2

Tổng hợp kết quả PCGD, XMC của các đơn vị:

TT	Đơn vị	PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi	Đạt chuẩn PCGD tiểu học	Đạt chuẩn XMC	Đạt chuẩn PCGD THCS
1	Xã Việt Yên	Đạt chuẩn	Mức độ 3	Mức độ 2	Mức độ 3

III. KINH PHÍ

- Đề nghị các cấp lãnh đạo quan tâm, cấp thêm ngân sách cho công tác điều tra phổ cập giáo dục hàng năm: Văn phòng phẩm, hỗ trợ công điều tra, tập huấn..
- Nâng cấp server lưu trữ dữ liệu, phần mềm PCGD chuẩn hóa để trong quá trình thực hiện đảm bảo dữ liệu sạch, đúng, đầy đủ, chính xác, khoa học.

Phần III

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN TRONG NĂM 2026

1. Lập kế hoạch và thực hiện công tác PCGD, XMC sớm nhằm đạt kết quả cao hơn.
2. Các bộ phận, phòng ban: Lãnh đạo thôn, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên kết hợp với các nhà trường trong công tác đi tra PCGD, XMC.

Phần IV

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Sở GD&ĐT

Hàng năm tổng kết công tác PCGD, XMC có khen thưởng đối với những người làm PCGD, XMC như một hoạt động chuyên môn được cấp xã hàng năm đề nghị.

Các trường THPT cung cấp dữ liệu học sinh tại địa phương đang học tại nhà trường, học sinh đỗ đại học. Đảm bảo dữ liệu điều tra được đối chiếu, chuẩn dữ liệu trên từng phiếu điều tra.

Có phần mềm PCGD riêng cho tỉnh, tích hợp với phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia trong độ tuổi từ 0-60 tuổi...

THỐNG KÊ TRẺ EM 0 ĐẾN 5 TUỔI PCGDMN CHO TRẺ EM 5 TUỔI

Thời điểm: tháng 10 năm 2025

Năm sinh	1	2025	2024	2023	2022	2021	2020	2019	Tổng cộng
Độ tuổi	2	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	6 tuổi	0-5 tuổi
Tổng số trẻ trong độ tuổi	3	236	514	493	440	603	622	667	2908
Trong đó	Trẻ em gái	4	58	197	155	190	271	256	1127
	Trẻ dân tộc thiểu số	5	0	1	0	1	0	4	6
Trẻ khuyết tật trong độ tuổi	Tổng số	6	0	0	0	0	0	0	0
	Số trẻ có khả năng học tập	7	0	0	0	0	0	0	0
	Số trẻ được tiếp cận giáo dục	8	0	0	0	0	0	0	0
Số trẻ phải huy động	9	203	514	493	440	603	622	667	2875
Số trẻ đến trường, nhóm, lớp	10	0	202	361	438	603	622	667	2226
Trong đó: Trẻ ở xã học tại địa bàn xã	11	0	202	383	435	591	606	642	2217
Trẻ ở xã học trái tuyến tại địa bàn khác	12	0	0	9	9	22	23	203	63
Tỉ lệ huy động	13	0,0	39,30	73,23	99,55	100,00	100,00	100,00	77,43
Trong số trẻ đến trường, lớp	Trẻ em gái	14	0	31	80	153	218	248	688
	Trẻ dân tộc thiểu số	15	0	1	0	1	0	3	5
	Trẻ DTTS được chuẩn bị T. Việt	16	0	1	0	0	2	0	3
Trẻ từ nơi khác đến học (trái tuyến)	17	0	0	1	1	0	1	0	3
Số trẻ học 2 buổi/ngày	18	0	191	268	323	420	622	523	1824
Tỉ lệ trẻ học 2 buổi ngày	19	0	37,16	54,36	73,41	69,65	100,00	78,41	81,94
Số trẻ bị chết	20	0	0	0	0	0	0	0	
Số trẻ chuyển đi	21	0	0	0	0	0	0	0	
Số trẻ chuyển đến	22	0	0	0	0	0	1	0	
Số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN(*)	23	0	0	0	0	0	0	667	
Tỉ lệ hoàn thành chương trình GDMN	24	0	0	0	0	0	0	100	0
Trẻ từ nơi khác đến học hoàn thành CT GDMN	25	0	0	0	0	0	0	0	

(*) Trẻ hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non là trẻ được học 2 buổi/ngày trong thời gian một năm học theo Chương trình giáo dục mầm non dành cho mẫu giáo 5-6 tuổi do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, số ngày nghỉ học không quá 45 ngày.

Tiêu chí	Số lượng	Tỉ lệ
Trẻ 5 tuổi đến trường	622	100,0
Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	667	100,00
Trẻ 5 tuổi khuyết tật được tiếp cận GD	0	0
Trẻ học 2 buổi/ngày	622	100,0

NGƯỜI LẬP BIỂU


Tạ Thị Phương Thảo

Việt Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2025

TM. BAN CHỈ ĐẠO PCGD, XMC

TRƯỞNG BAN




Đặng Văn Tân Khanh

Xã: Xã Việt Yên

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN PCGDMN CHO TRẺ EM 5 TUỔI

Mẫu: MN-01-GV

Tỉnh Hưng Yên

Thời điểm : tháng 10 năm 2025

TT	Trưởng/nhóm lớp độc lập	CBQL, giáo viên, nhân viên										Giáo viên dạy MG 5 tuổi							
		Tổng số	Hợp đồng làm việc	Hợp đồng lao động		CBQL		Giáo viên		Nhân viên	Tổng số	Hợp đồng làm việc	Hợp đồng lao động		Ti lệ GV/L	Trình độ đào tạo		Đạt chuẩn nghề nghiệp	
				Tổng số	Được hưởng CĐ, CS theo quy định	Tổng số	Phó Hiệu trưởng	Tổng số	Dẫn tộc thiểu số				Ti lệ GV/lớp	Tổng số		Đạt chuẩn	Trên chuẩn		
1	2	3 = 7+9+12	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Mầm non Misa	19		19		19	2	1	13		4	3	3			1,5	3		3
2	Mầm non Thanh Long	31	26	5		5	3	2	23		5	10	10			2		10	10
3	Trường Mầm non Minh Châu	18	15	3		3	3	2	11		4	3	3			1,5		3	3
4	Trường Mầm non Việt Cường	14	13	1		1	3	2	9		2	2	2			1		2	2
5	Trường Mầm non Yên Hòa	26	26				3	2	21		2	5	5			2,5	1	4	5
6	Trường Mầm non Yên Phú	43	37	6		6	3	2	33	9	7	9	9			1,29	1	8	9
7	Trường MN Hòa Mi Baby CS2	11		11		11	1	1	9		1	3		3	3	1,5		3	3
	CỘNG TRƯỞNG	162	117	45	45	18	12	119	9	1,29	25	35	27	8	27	1,59	5	30	35
1	Cơ sở tư thực Ánh Dương	4		4		4			2	1	2								
2	Nhóm lớp tư thực Bimon Home	7		7		7			5		2								
3	Nhóm lớp tư thực Mặt trời Hồng	3		3		3			2		1								
4	Nhóm lớp tư thực Thế Giới Mới	7		7		7			5		2	2		2	2	2	2		2
5	Nhóm lớp tư thực Tuổi Hồng	10		10		10			6		4	2		2	2	2	2		2
	CỘNG/TỔNG HỢP NHÓM LỚP ĐLTT	31		31		31			20	1	1,43	4		4	4	2	4		4
	Tổng cộng	193	117	76	76	18	12	139	10	2,72	36	39	27	12	31	1,795	9	30	39

NGƯỜI LẬP BIỂU

Tạ Thị Phương Thảo

Việt Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2025

THỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



Đặng Văn Tân Khanh

Xã Việt Yên
Tỉnh: Hưng Yên

THỐNG KÊ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM 5 TUỔI
Thời điểm : tháng năm : 2025

Mẫu: MN-01-CSVC

TT	Trường/nhóm lớp độc lập tự thực	Điểm trường	Tổng số phòng học	Số lớp, nhóm				Phòng học cho lớp MG 5 tuổi										Phòng hoặc khu VS	CT Nước sạch	Bếp ăn	Sân và đồ chơi	
				Số lớp MG 5 tuổi			Số lớp, nhóm dưới 5 tuổi	Tổng số	Tỷ lệ P/L	Kiến cố		Bán kiên cố		Phòng học khác (tạm, nhờ)		Đủ bộ TBJ, ĐD, ĐC						
				Tổng số	Tr.đó, lớp ghép 5 tuổi	Số lớp học 2 buổi/ ngày				TS	DTBQ phòng sinh hoạt chung (m ²)	TS	DTBQ phòng sinh hoạt chung	TS	DTBQ phòng sinh hoạt chung (m ²)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9=11+13+	10=9/5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Trường Mầm non Việt Cường	1	2	2		2	7	2	1	2	54					2	9	1	1	1	1	
2	Trường Mầm non Yên Phú	2	23	7		7	16	7	1	7	50					7	23	2	1	2	2	
3	Trường Mầm non Minh Châu	1	9	2		2	7	2	1	2	54					2	13	2	1	2	2	
4	Mầm non Thanh Long	1	18	5		5	13	5	1	5	55					5	18	1	1	1	1	
5	Trường MN Hòa Mi Baby CS2	1	7	2		2	5	2	1	2	30					2	7	1	1	1	1	
6	Mầm non Misa	1	7	7		2	5	2	1	2	54					2	6	1	1	2	1	
7	Trường Mầm non Yên Hòa	5	14	2		3	11	2	1	2	60					3	3	4	1	5	5	
	CỘNG TRƯỜNG	12	80	27	0	23	64	22	1	22	357	0	0	0	0	23	79	12	7	14	13	
1	Cơ sở tự thực Ánh Dương	1	4			1	2	2	1	2	60					2	5	1	1	1	1	
2	Nhóm lớp tự thực Mặt trời Hồng	1	1														2	1	1	1	1	
3	Nhóm lớp tự thực Bimon Home	1	4	1		1	3	1	1	1	40					1	2		1	1	1	
4	Nhóm lớp tự thực Thế Giới Mới	1	4	1		1	3	1	1	1	50					1	1	1	1	2	1	
5	Nhóm lớp tự thực Tuổi Hồng	1	6	1		1	3	1	1	1	50					1	2	1	1	1	1	
	CỘNG NHÓM LỚP	5	19	3	0	4	11	5	1	5	200	0	0	0	0	5	12	4	5	6	5	
	Tổng cộng	17	99	30	0	27	75	27	1	27	557	0	0	0	0	28	91	16	12	20	18	

NGƯỜI LẬP BIỂU


Tạ Thị Phương Thảo

Việt Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Đặng Văn Tân Khanh

Biểu số 4

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Năm: 2025

Tên đơn vị

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng số	Chia ra theo các năm					Ghi chú
				2022	2023	2024	2025	2026	
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(k)
1	Tổng chi cho Giáo dục mầm non	Tr.đg	5.790,85	1.673,00	2.072,00	2.045,85			
	Trong đó: - Ngân sách thường xuyên	Tr.đg	4.970,85	1.348,00	1.577,00	2.045,85			
	- Ngân sách đầu tư	Tr.đg							
	- Ngân sách từ nguồn Chương trình mục tiêu, dự án	Tr.đg							
	- Từ nguồn xã hội hóa	Tr.đg							
2	Tỷ lệ chi hoạt động chuyên môn GDMN trong NSTX	(%)							
3	Định mức chi thường xuyên cho trẻ 5 tuổi theo 239 (B. quân)	Tr.đg							
4	Chi đầu tư xây dựng phòng học, phòng chức năng	Tr.đg							
5	Mua thiết bị tối thiểu và thiết bị nội thất dùng chung	Tr.đg	35,88		35,88				
6	Chi thực hiện chính sách cho trẻ em	Tr.đg	31,55	13,00	12,00	4,20	2,35	0,00	
	Trong đó: - Hỗ trợ chi phí học tập	Tr.đg	12,95	4,00	4,00	4,20	0,75		
	- Hỗ trợ ăn trưa	Tr.đg	18,60	9,00	8,00		1,60		
	- Hỗ trợ theo chính sách khác của TƯ, địa phương	Tr.đg							
7	Chi thực hiện chính sách cho giáo viên mầm non	Tr.đg							
	Trong đó: - Hỗ trợ giáo viên hợp đồng lao động công lập	Tr.đg							
	- Hỗ trợ giáo viên dân lập	Tr.đg							
	- Hỗ trợ giáo viên tự thực	Tr.đg							

- Giải thích biểu 4 : Các mục 2, 3, tại cột (d) là số bình quân, không phải số tổng.

NGƯỜI LẬP BẢNG

Việt Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2025



Tạ Thị P. Thảo

PHÓ CHỦ TỊCH
ĐẶNG VĂN TÂN KHANH

Tỉnh/TP: Hưng Yên
Phường/Xã: Xã Việt Yên

THỐNG KÊ TRẺ EM 6 ĐẾN 14 TUỔI PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Mẫu: TH-01-TE

Thời điểm: tháng 10 năm 2025

Thời điểm: ngày 10 tháng 10 năm 2025

Năm học: 2025-2026				1	2019	2018	2017	2016	2015	Tổng (6-10)	2014	2013	2012	2011	Tổng (11-14)
Độ tuổi				2	6	7	8	9	10		11	12	13	14	
Tổng số				3	667	681	739	693	855	3635	752	793	923	678	3146
Nữ				4	248	259	285	276	305	1373	278	315	352	284	1229
Dân tộc				5											
Khuyết tật	Tổng số			6	0	2	0	2	1	5	1	3	2	3	9
	Có khả năng HT			7	0	1	0	1	1	3	1	3	2	2	8
	Được tiếp cận GD			8	0	1	0	1	1	3	1	3	2	2	8
Số phải phổ cập (PPC)				9	667	679	739	691	854	3630	751	790	921	675	3137
Đã và đang học tiểu học	Lớp 1	Số PPC	Tại chỗ	10	651	13	2			666	0	1	0		1
			Nơi khác	11	16				16					0	
		Nơi khác đến			12					0					0
	Lớp 2	Số PPC	Tại chỗ	13	0	644	15	1		660	0	0	0		0
			Nơi khác	14		22	0		22					0	
		Nơi khác đến			15			0		0				0	
	Lớp 3	Số PPC	Tại chỗ	16	0		709	14	2	725	1	0	0		1
			Nơi khác	17			13			13					0
		Nơi khác đến			18					0				0	
	Lớp 4	Số PPC	Tại chỗ	19				657	20	677	2	2	0		4
			Nơi khác	20				19	1	20					0
		Nơi khác đến			21					0				0	
	Lớp 5	Số PPC	Tại chỗ	22					806	806	30	5	1		36
			Nơi khác	23					25	25	0				0
		Nơi khác đến			24					0				0	
	HTCTTH	Số PPC	Tại chỗ	25						0	717	782	920	675	3094
			Nơi khác	26						0					0
		Nơi khác đến			27					0				0	
		Số KPPC			28						0				0
Lưu ban	Số PPC	Tại chỗ	29		7	4	0	1	12						0
		Nơi khác	30							0					0
	Nơi khác đến			31						0				0	
Bỏ học	Số PPC	Tại chỗ	32						0	1					1
		Nơi khác	33							0					0
	Nơi khác đến			34						0				0	
Số PPC chưa đi học				35											0

Tiêu chí	Số lượng	Tỉ lệ
Trẻ 6 tuổi vào lớp 1	667	100
Trẻ 11 tuổi HTCTTH	717	95,47
Trẻ 11 tuổi đang học ở TH	33	4,53
Trẻ đến 14 tuổi HTCTTH	3094	98,63
Trẻ KT có khả năng HT được tiếp cận GD	8	100

NGƯỜI LẬP BIỂU
(kí, ghi rõ họ tên)

Tạ Thị Phương Thảo

Việt Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2025
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VIỆT YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

(Kí, họ tên và đóng dấu)



Đặng Văn Tân Khanh

Xã Việt Yên

Tỉnh Hưng Yên

THÔNG KÊ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Thời điểm : Tháng 10 Năm : 2025

Mẫu: TH-01-CSVC

TT	Trường	Số Đ.Tr	Số lớp		Số phòng học				Số phòng chức năng												Công trình VS				Sân chơi		Bãi tập	
			Tổng số	Lớp ghép	Kiến cơ	Bàn kiên cơ	Tâm	Thuê/mượn	Ti lệ Pn/Lớp	HTr	PHT	VP	Y tế	TT	Phốp		T.Viện		Thiết bị		GV		HS		SL	DT	SL	DT
1	2	3	4	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
1	Trường TH&THCS Thanh Long	1	25		25				1	1	1	1	1	1	1	70	1	120	1	25	2	36	3	60	1	1800	1	1000
2	Trường TH&THCS Minh Châu	1	14		14				1		1	1	1	1	1	70	1	60	1	60	2	60	2	60	1	2500	1	500
3	Trường tiểu học và THCS Việt Cường	1	10		10				1		1	1	1	1	1	56	1	28	1	28	2	50	4	100	1	3000	1	500
4	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Yên Hòa	1	15		15				1		2	1	1	1	1	44	1	44	1	44	2	20	2	40	1	1500	1	1000
5	Trường Tiểu học Yên Phú	2	40		33	7			1	1	1	1	2	2	1	54	2	108	2	51	2	40	2	80	2	3650	2	2505
	Cộng	6	104	0	97	7	0	0	5	2	6	5	6	6	5	294	6	360	6	208	10	206	13	340	6	12450	6	5505

NGƯỜI LẬP BẢNG

Tạ Thị Phương Thảo

Việt Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



PHÓ CHỦ TỊCH
ĐẶNG VĂN TÂN KHANH

Tỉnh/TP: Hưng Yên

Trưởng			CBQL		Giáo viên																	Nhân viên								
TT	Tên	Hàng trưởng	1-2 buổi/ngày	Hiệu trưởng	P.Hiệu trưởng	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng	Nữ	Dân tộc	Tỉ lệ GV/Lớp	Trình độ đào tạo						Loại hình đào tạo						Chuẩn nghề nghiệp				TPT.Đội	Văn phòng	T.Viên-TBDH
												Trên ĐH	ĐH	CD	THSP	Dưới THSP	Tiểu học	AN	MT	TD	Tin học	NN	Khác	Tốt	Khá	Đạt	Không đạt			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
1	Trường TH&THCS Thanh Long	1	2	1	1	33	30	3	30		1,32		31	2			25	2	1		1	4		10	23				1	
2	Trường TH&THCS Minh Châu	2	2		1	17	14	3	13		1,21		17				12	1	1	1	1	1		6	11			1	1	1
3	Trường tiểu học và THCS Việt Cường	3	2			16	14	2	13		1,6		16				11	1	1	1	1	1		2	14			1		1
4	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Yên Hòa	2	2		2	17	16	1	14		1,13		16	1			13	1	1			1		4	13			1		1
5	Trường Tiểu học Yên Phú	1	2	1	2	55	48	7	52	1	1,38		50	5			40	3	3	1	2	6		9	43	3		1	1	1
Cộng			10	2	6	138	122	16	122	1	1,33		130	8			101	8	7	3	5	13		31	104	3		4	3	4

Tiêu chí	SL	Tỷ lệ
GV đạt chuẩn trình độ đào tạo	138	100
GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo	138	100
GV đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp	138	100

Việt Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)



[Handwritten signature]

Tạ Thị Phương Thảo

PHÓ CHỦ TỊCH
ĐẶNG VĂN TÂN KHANH

Xã: Xã Việt Yên
Tỉnh: Hưng Yên

THỐNG KÊ THANH THIẾU NIÊN PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ
Thời điểm: Ngày 10 háng 10 năm 2025

Mẫu:THCS-01-TTN

Năm sinh				1	2014		2013		2012		2011		2010			2009			2008			2007			Tổng (15-18)	
Độ tuổi				2	11		12		13		14		15			16			17			18				
Tổng số				3	752		793		923		678		621			669			616			604				2510
Nữ				4	273		325		349		304		246			276			228			247				997
Dân tộc				5							1															
Khuyết tật		Tổng số		6	1		3		2		3		2			4			3						9	
		Có khả năng HT		7	1		3		2		2					1									1	
		Tiếp cận GD		8	1		3		2		2					1									1	
Số phải phổ cập (PPC)				9	751		790		921		675		619			665			613			604			2501	
				10	PT	TX	PT	TX	PT	TX	PT	TX	PT	TX	GDNN	PT	TX	GDNN	PT	TX	GDNN	PT	TX	GDNN		
Đã và đang học THCS		Lớp 6	Số PPC	Tại chỗ	11	678		33		2		2														
				Đi học nơi khác	12	40		0																		
			Nơi khác đến		13																					
		Lớp 7	Số PPC	Tại chỗ	14			714		35				1											1	
				Đi học nơi khác	15			35																		
			Nơi khác đến		16																					
		Lớp 8	Số PPC	Tại chỗ	17					824		18		3											3	
				Đi học nơi khác	18					59																
			Nơi khác đến		19																					
		Lớp 9	Số PPC	Tại chỗ	20							606		24											24	
				Đi học nơi khác	21							48		1											1	
			Nơi khác đến		22																					
		TNTHCS	Số PPC	Tại chỗ	23								585			656			604			599			2444	
				Đi học nơi khác	24													1			1			2		
			Nơi khác đến		25																					
Đã và đang học CT GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc GDNN		Số PPC	Tại chỗ	26								499	14	54	567	21	41	487	39	30	549		5	2306		
			Đi học nơi khác	27																						
		Nơi khác đến		28																						
Bỏ học và học khác		Số PPC	Tại chỗ	29			1	0			1		5		9		8			4			26			
			Đi học nơi khác	30																						
		Nơi khác đến		31																						

Tiêu chí		SL	TL
Bảo đảm tiêu chuẩn PCGDTH mức độ		3	
Bảo đảm tiêu chuẩn XMC mức độ		2	
TTN 15-18 TNTHCS		2444	97,72
TTN 15-18 đã, đang học CT GDPT hoặc GDTX cấp		2306	92,20
TTN KT được tiếp cận GD		9	100
Tổng số học sinh		5638	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Tạ Thị Phương Thảo

Việt Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2025
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VIỆT YÊN
PHÓ CHỦ TỊCH
(Kí, họ tên và đóng dấu)



Đặng Văn Tân Khanh

TT	Trường	Số Đ.T.	Số lớp	Số phòng học				Phòng chức năng						Công trình vệ sinh						Sân chơi		Bãi tập			
				Kiến cơ	Ban kiến cơ	Tâm	Tỉ lệ Ph/Lớp	Hiệu trưởng	Ph.Hiệu trưởng	Văn phòng	Y tế	Phòng họp	Thư viện	Phòng thí nghiệm		GV			HS		SL	DT	SL	DT	
														SL	DT	SL	DT	SL	DT	SL					DT
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24		
1	Trường TH & THCS Minh Châu	1	9	9			1	1	1	1	1	1	1	2	200	2	60	3	90	1	2500	1	500		
2	Trường TH&THCS Thanh Long	1	17	18			1,06	1	1	1	1	1	1	4	440	1	30	3	60	1	1000	1	800		
3	Trường THCS Yên Phú	1	29	29			1	1	1	1	1	1	1	2	80	1	20	1	60	1	4000	1	1000		
4	Trường tiểu học và THCS Việt Cường	1	7	7			1	1	1	1	1	1	1	1	87	3	74	3	200	1	3840	1	500		
5	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Yên Hòa	1	9	9			1	1	0	1			1			2	14	2	60	1	2000	1	30		
	Cộng	5	71	72	0	0	1,01	5	3	5	4	4	5	9	807	9	198	12	470	5	13340	5	2830		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Kí, ghi rõ họ tên)

Việt Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Kí tên và đóng dấu UBND)



Tạ Thị Phương Thảo

PHÓ CHỦ TỊCH
ĐẶNG VĂN TÂN KHANH

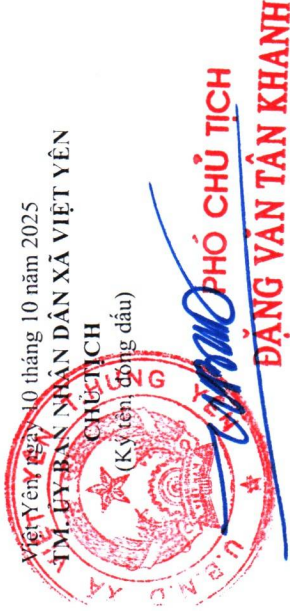
THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG MŨ CHỦ MỨC 1

Thời điểm: ngày 17 tháng 10 năm 2025

Số TT	Đơn vị	Dân số trong độ tuổi						Người mù chữ trong độ tuổi						Dân số trong độ tuổi					
		15 - 25						15 - 25						15 - 35					
		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Thôn Bắc Khu	151	49											290	109				
2	Thôn Bình Phú	676	330											1465	745	1			
3	Thôn Châu Xá	229	101											461	220				
4	Thôn Khoá Nhu	163	65											306	136				
5	Thôn Khóa Nhu	320	10											616	29				
6	Thôn Lại Trạch	121	66											258	138				
7	Thôn Long Vỹ	572	260											1256	595				
8	Thôn Lục Điền	143	28											338	126				
9	Thôn Miể Hạ	381	176											673	319				
10	Thôn Miể Thượn	177	92											461	268				
11	Thôn Mỹ Xá	351	146	1	1									830	358	2	1		
12	Thôn Nhân Lý	235	102											464	204				
13	Thôn Quảng Uy	379	142	2	2									799	324	5	3		
14	Thôn Tân Phú	88	40											169	79				
15	Thôn Thái Hòa	228	111											394	191				
16	Thôn Thái Nội	70	36											210	103				
17	Thôn Thanh Xá	194	96											446	210				
18	Thôn Thung Lìn	161	87											314	180				
19	Thôn Thượng Trì	92	40	1	1									225	103	1	1		
20	Thôn Thụy Lân	211	88											505	230				
21	Thôn Từ Hồ	523	244	1	1									1283	649	1	1		
22	Thôn Từ Tây	253	119											554	278				
23	Thôn Xuân Lai	125	42											273	108				
24	Thôn Đặng Xá	134	62											303	146				
25	Thôn Đông Hòa	215	101											420	213				
Tổng cộng		6192	2633	5	5									13313	6061	10	6		
																		0	27566
																		17	11
																		12535	31
																		261	
																		0 598	
																		0 2953	1
																		0 984	
																		0 605	
																		0 1223	52
																		0 531	
																		0 2599	1234
																		0 719	299
																		0 1464	690
																		0 962	514
																		0 1754	765
																		0 960	439
																		0 1645	699
																		0 346	172
																		0 803	377
																		0 459	219
																		0 930	440
																		0 620	329
																		0 449	212
																		0 1102	521
																		0 2608	1260
																		0 1186	588
																		0 581	250
																		0 645	319
																		0 840	422

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tạ Thị Phương Thảo



Xã/phường/thị trấn: Xã Việt Yên

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG MŨ CHỦ MỨC 2
Thời điểm: ngày 18 tháng 10 năm 2025

Số TT	Đơn vị	Dân số trong độ tuổi 15 - 25						Người mù chữ trong độ tuổi 15 - 25						Dân số trong độ tuổi 15 - 35						Người mù chữ trong độ tuổi 15 - 35						Dân số trong độ tuổi 15 - 60						Tổng số																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %		Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XOÁ MÙ CHỮ

Độ tuổi	Năm sinh	TRONG ĐỘ TUỔI				MÙ CHỮ								BIẾT CHỮ				Tỷ lệ % biết chữ
						Mù chữ mức 1				Mù chữ mức 2								
		TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	
15 tuổi	2010	639	257											639	257			100
16 tuổi	2009	674	280											674	280			100
17 tuổi	2008	623	235											623	235			100
18 tuổi	2007	607	247											607	247			100
19 tuổi	2006	560	244											560	244			100
20 tuổi	2005	564	233											564	233			100
21 tuổi	2004	497	226											497	226			100
22 tuổi	2003	494	216	3	3									494	216	3	3	100
23 tuổi	2002	435	186											435	186			100
24 tuổi	2001	492	230											492	230			100
25 tuổi	2000	607	279	2	2									607	279	2	2	100
Cộng 15 - 25		6192	2633	5	5									6192	2633	5	5	100
26 tuổi	1999	533	243											533	243			100
27 tuổi	1998	606	300	1	1									606	300	1	1	100
28 tuổi	1997	598	294	1	1									598	294	1	1	100
29 tuổi	1996	673	316	1	1									673	316	1	1	100
30 tuổi	1995	660	334											660	334			100
31 tuổi	1994	669	331											669	331			100
32 tuổi	1993	835	400											835	400			100
33 tuổi	1992	789	388											789	388			100
34 tuổi	1991	799	379	1	1									799	379	1	1	100
35 tuổi	1990	959	443	1	1									959	443	1	1	100

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XOÁ MÙ CHỮ

Độ tuổi	Năm sinh	TRONG ĐỘ TUỔI					MÙ CHỮ						BIẾT CHỮ				Tỷ lệ % biết chữ			
		TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Mù chữ mức 1			Mù chữ mức 2			TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc					
						TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	TS	Nữ					Dân tộc				
Cộng 15 - 35		13313	6061	10	6															
36 tuổi	1989	866	394	2	2															
37 tuổi	1988	815	360	2	2															
38 tuổi	1987	851	388	2	1															
39 tuổi	1986	702	331	1																
40 tuổi	1985	683	316																	
41 tuổi	1984	747	344																	
42 tuổi	1983	739	316																	
43 tuổi	1982	685	288																	
44 tuổi	1981	562	239																	
45 tuổi	1980	534	245																	
46 tuổi	1979	583	256																	
47 tuổi	1978	510	241																	
48 tuổi	1977	465	185																	
49 tuổi	1976	551	246																	
50 tuổi	1975	474	220																	
51 tuổi	1974	524	258																	
52 tuổi	1973	498	231																	
53 tuổi	1972	458	216																	
54 tuổi	1971	497	224																	
55 tuổi	1970	484	229																	
56 tuổi	1969	446	215																	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XOÁ MÙ CHỮ

Độ tuổi	Năm sinh	TRONG ĐỘ TUỔI				MÙ CHỮ						BIẾT CHỮ				Tỷ lệ % biết chữ
						Mù chữ mức 1			Mù chữ mức 2			TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	
		TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	TS	Nữ	Dân tộc	TS	Nữ	Dân tộc					
57 tuổi	1968	467	230									467	230			100
58 tuổi	1967	391	186									391	186			100
59 tuổi	1966	451	192									451	192			100
60 tuổi	1965	270	124									270	124			100
Cộng 15 - 60		27566	12535									27566	12535			100

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]

Là Thị Hương Thảo

Việt Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2025
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

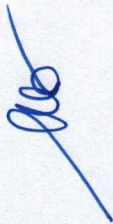
P. CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ CHỦ TỊCH
ĐẶNG VĂN TÂN KHANH

với cấp huyện ghi tên xã/phường/thị trấn; đối với cấp tỉnh ghi huyện/tỉnh

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

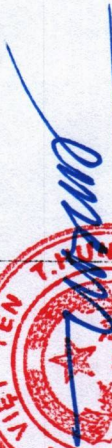


Tại Thị Phường Tháo

Vạc Yên, ngày 10, tháng 10 năm 2025
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN...

P. CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)





PHÓ CHỦ TỊCH
ĐẶNG VĂN TÂN KHANH

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN PHÓ CẤP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ
Tính đến thời điểm: ngày 10 tháng 10 năm 2025

TT	Trường	CBQL			Giáo viên																								Nhân viên																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
		Hàng trưởng	Hiệu trưởng	P.Hiệu trưởng	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng	Nữ	Dân tộc	Tỉ lệ GV/Lớp	Trình độ đào tạo				Chuyên ngành đào tạo												Chuẩn nghề nghiệp				Thư viên	Thiết bị - Thi nghiệm	Văn phòng	Y tế																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
											Trên ĐH	DH	CD	THSP	Toàn	Ngữ văn	KHTN		KHXH		HGD			GD/CD	Công nghệ	Tin học	Ngoại ngữ								TPT.Đội	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
	Tên																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							</

Ngày 10 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ, tên)



[Handwritten signature]

Ta Thị Phương Thảo

PHÓ CHỦ TỊCH
ĐẶNG VĂN TÂN KHANH

UBND XÃ VIỆT YÊN
BCĐ PCGD - XMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN TỰ KIỂM TRA
PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XOÁ MÙ CHỮ NĂM 2025
Xã Việt Yên**

Thực hiện Công văn số 298/SGDDĐT-GDPT ngày 04/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên về việc tiếp tục hướng dẫn thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND xã Việt Yên về việc thành lập Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025; Công văn số 01/BCĐ-PCD của Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên về việc hướng dẫn thực hiện công tác Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ xã Việt Yên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 10/10/2025 của UBND xã Việt Yên về việc thành lập Đoàn tự kiểm tra PCGD, XMC năm 2025;

Hôm nay, ngày 16 tháng 10 năm 2025 tại Văn phòng UBND xã Việt Yên; Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên đã tiến hành tự kiểm tra công tác PCGD, XMC của địa phương những nội dung như sau:

A. THÀNH PHẦN ĐOÀN TỰ KIỂM TRA GỒM

1. Trưởng Ban chỉ đạo

- Ông Đặng Văn Tân Khanh Phó Chủ tịch UBND xã

2. Phó Ban chỉ đạo

- Bà Trần Thị Thuý Hoà Trưởng phòng VH-XH

3. Các uỷ viên kiểm tra

- Ông Ngô Ngọc Sơn	Trưởng Phòng Kinh tế
- Ông Chu Thế Giang	Chánh Văn phòng HĐND-UBND
- Bà Lương Thị Thanh	Phó phòng VH-XH
- Ông Vũ Đức Thuý	Chuyên viên phòng VH-XH
- Bà Lê Thị Thuý Giang	Hiệu trưởng Trường THCS Yên Phú
- Ông Hoàng Hữu Sinh	Hiệu trưởng Trường TH Yên Phú
- Bà Lê Thị Khuyên	Hiệu trưởng Trường TH&THCS Thanh Long
- Bà Lê Thị Lựa	Hiệu trưởng Trường TH&THCS Yên Hoà
- Bà Lương Thị Thanh Tuyên	Hiệu trưởng Trường TH&THCS Minh Châu
- Ông Nguyễn Văn Bính	Hiệu trưởng Trường TH&THCS Việt Cường
- Bà Hà Thị Kim Huế	Hiệu trưởng trường MN Yên Phú
- Bà Đào Thị Liên	Hiệu trưởng trường MN Thanh Long
- Bà Nguyễn Thị Huyền	Hiệu trưởng trường MN Việt Cường
- Bà Hà Thị Lan	Hiệu trưởng trường MN Yên Hoà
- Bà Đỗ Thị Tươi	Hiệu trưởng trường MN Minh Châu

B. NỘI DUNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CÔNG NHẬN ĐƠN VỊ ĐẠT CHUẨN PCGD-XMC

1. Nghe đại diện các đơn vị nhà trường báo cáo kết quả điều tra và cập nhật số liệu PCGD, XMC của 25 thôn năm 2025

2. Kiểm tra, đối chiếu điều tra PCGD, XMC với thực tế hộ gia đình có đối tượng PCGD, XMC trong xã.

3. Xem xét, nghiên cứu hồ sơ PCGD, XMC của xã Việt Yên:

- Quyết định thành lập BCD PCGD: Đủ
- Kế hoạch thực hiện PCGD-XMC: Đủ
- Báo cáo KQ PCGD, XMC: Đủ
- Biểu thống kê kết quả PCGD-XMC: Đủ
- Sổ phổ cập giáo dục: Đủ
- Phiếu điều tra PCGD-XMC của các thôn: Đủ
- Các loại sổ, hồ sơ văn bản khác: Đủ
- Các QĐ công nhận PCGD, XMC năm trước: Đủ

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

I. Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi

1. Tiêu chuẩn: Trẻ em 5 tuổi

- Tổng số trẻ em 5 tuổi trên địa bàn: 622 cháu.
- Tổng số trẻ em 5 tuổi phải huy động ra lớp: 622 cháu.
- Số trẻ 5 tuổi đến trường, nhóm, lớp: 622 cháu; đạt tỉ lệ 100%.
- Số trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày: 622 cháu; đạt tỉ lệ: 100%.
- Số trẻ 5 tuổi ăn tại trường: 570 cháu; đạt tỉ lệ 91,6%.
- Số trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN: 667 cháu; đạt tỉ lệ: 100%.

Đối chiếu với tiêu chuẩn của tại Nghị định 20 và Thông tư 07:

Đánh giá tiêu chuẩn học sinh (đạt hoặc chưa đạt): Đạt

2. Điều kiện: Giáo viên, nhân viên

- Tổng số giáo viên các trường: 193 đ/c;
- Tổng số GV hưởng chế độ chính sách theo quy định: 193 đ/c, đạt tỉ lệ 100%

- Tổng số GV dạy lớp 5 tuổi: 39 giáo viên,

Trong đó: GV dạy lớp 5 tuổi đạt chuẩn: 9 người, đạt tỉ lệ 23,1%

GV dạy lớp 5 tuổi trên chuẩn: 30 người, đạt tỉ lệ 76,9%

- Tỉ lệ giáo viên/lớp: $39/27 = 1,44$ giáo viên/lớp

- Xếp loại giáo viên dạy lớp 5 tuổi theo chuẩn nghề nghiệp:

Tốt: 8; đạt tỉ lệ: 20,5%

Khá: 31; đạt tỉ lệ: 79,5 %

Đạt: 0 ; đạt tỉ lệ: 0 %

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC đối với GDMN: 193
- Đối chiếu với tiêu chuẩn của tại Nghị định 20 và Thông tư 07:

Đánh giá điều kiện về GV, NV (đạt hoặc chưa đạt): Đạt

3. Điều kiện: Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (dành cho lớp MG 5 tuổi)

- Tổng số phòng học: 27 phòng; Trong đó: Kiên cố: 26 phòng.
Cấp 4: 01 phòng.
- Tỷ lệ phòng học/lớp đạt: $27/27 = 1$ phòng/lớp.
- Diện tích phòng học BQ: 43 m^2 ; đạt $1,87 \text{ m}^2/\text{trẻ}$. (622 HS 5 t)
- Số lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi, TBDH tối thiểu: 29, đạt tỷ lệ: 29%
- Số đồ chơi ngoài trời (sân chơi ngoài trời): 29 bộ
- Có nguồn nước sạch (có hoặc không có): Có
- Có hệ thống thoát nước (có hoặc không có): Có
- Có đủ công trình vệ sinh, đảm bảo vệ sinh (có hoặc không): Có

Đối chiếu với tiêu chuẩn của tại Nghị định 20 và Thông tư 07:

Đánh giá điều kiện CSVN, TBDH (đạt hoặc chưa đạt): Đạt

4. Hồ sơ phổ cập

4.1. Số lượng hồ sơ

- Sổ theo dõi phổ cập của bậc Mầm non
- Phiếu điều tra
- + Phiếu điều tra của 25 thôn
- + Các phiếu điều tra có đầy đủ nội dung
- Sổ theo dõi trẻ học trái tuyến
- Danh sách học sinh hoàn thành chương trình GD Mầm non
- Các hồ sơ biểu mẫu, thống kê của bậc Mầm non

4.2. Chất lượng hồ sơ

- Có đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định của bậc Mầm non
- Cập nhật thường xuyên, số liệu đầy đủ, chính xác.
- Nội dung ghi rõ ràng, theo dõi đầy đủ chính xác công tác PCGD, XMC.
- Trình bày sạch sẽ, khoa học.

Đối chiếu với điều kiện đảm bảo phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi được quy định tại Nghị định 20/2014/NĐ-CP và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT:

Đoàn tự kiểm tra đánh giá: Đạt

II. Phổ cập Giáo dục tiểu học

1. Tiêu chuẩn: Học sinh

- Trẻ 6 tuổi: 662 cháu, số phải huy động: 667, đã huy động được 667, đạt tỷ lệ: 100 %

- Tổng số trẻ 11 tuổi: 752 Số trẻ 11 tuổi phải phổ cập: 751

- Số trẻ 11 tuổi hoàn thành CTTH: 717 tỷ lệ: 95,47%

- Số trẻ 11 tuổi đang học ở tiểu học: 33 tỷ lệ: 4,39 %

- Số trẻ đến 14 tuổi hoàn thành CTTH: 3.094 tỷ lệ: 98,63%

- Số trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận GD: 8
Đối chiếu với tiêu chuẩn của tại Nghị định 20 và Thông tư 07:

Đánh giá tiêu chuẩn học sinh (đạt hoặc chưa đạt): Đạt

2. Điều kiện: Giáo viên, nhân viên

- Tổng số giáo viên: 138 tỷ lệ gv/lớp: 1,33

- Tổng số giáo viên dạy bộ môn chuyên: 36, đủ hay không đủ: Đủ

- Trình độ giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo Luật GD:

Đạt chuẩn: số lượng: 138 tỷ lệ: 100%

Đạt trên chuẩn: số lượng: 01 tỷ lệ: 0,72%

Chưa đạt chuẩn: số lượng: 0 tỷ lệ: 0%

- Xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp (QB 14):

Tốt: 31; đạt tỉ lệ: 22,4%

Khá: 104 đạt tỉ lệ: 75,4 %

Đạt: 3; đạt tỉ lệ: 2,2 %

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC đối với GDTH: 138
Đối chiếu với tiêu chuẩn của tại Nghị định 20 và Thông tư 07:

Đánh giá điều kiện về GV, NV (đạt hoặc chưa đạt): Đạt

3. Điều kiện: Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- Tổng số phòng học: 104 phòng, tỷ lệ phòng học/lớp: 1/1

- Bàn ghế, bảng, điều kiện phòng học, điều kiện đáp ứng dạy học sinh khuyết tật: (đủ hoặc không đủ) theo quy định: Đủ

- Phòng chức năng: (đủ hoặc không đủ) theo quy định: Đủ

- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ (đủ hoặc không đủ): Đủ

- Sân chơi, bãi tập, môi trường (đảm bảo hoặc không đảm bảo): Đảm bảo

- Có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước (có hoặc không): Có

- Công trình vệ sinh cho GV: 10 ; công trình vệ sinh cho HS: 13

Đối chiếu với tiêu chuẩn của tại Nghị định 20 và Thông tư 07:

Đánh giá điều kiện về CSV, TBDH (đạt hoặc chưa đạt): Đạt

4. Hồ sơ phổ cập:

4.1. Số lượng hồ sơ:

- Sổ theo dõi phổ cập của bậc Tiểu học
- Phiếu điều tra
- + Phiếu điều tra của 25 thôn
- + Các phiếu điều tra có đầy đủ nội dung
- Sổ theo dõi chuyên đi, chuyên đến
- Danh sách hoàn thành chương trình Tiểu học.
- Các hồ sơ biểu mẫu, thống kê của bậc Tiểu học

4.2. Chất lượng hồ sơ

- Có đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định
- Cập nhập thường xuyên, số liệu đầy đủ, chính xác.
- Nội dung ghi rõ ràng, theo dõi đầy đủ chính xác công tác PCGD, XMC.
- Trình bày sạch sẽ, khoa học.

Đối chiếu với điều kiện đảm bảo phổ cập GDTH được quy định tại Nghị định 20/2014/NĐ-CP và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT:

Đoàn kiểm tra tự đánh giá: Đạt chuẩn mức độ 3

III. Phổ cập GDTHCS

1. Tiêu chuẩn: Học sinh

- Mức độ đạt chuẩn PCGD tiểu học: 3, Mức độ đạt chuẩn XMC: 2
- Tổng số học sinh: 5.638
- Tổng số thanh thiếu niên (TTN) từ 15-18 tuổi: 2.510
- Số TTN từ 15-18 tuổi đã tốt nghiệp THCS 2444, đạt tỷ lệ: 97,72%
- Số TTN từ 11-18 đã, đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc GDNN: 2.306, đạt tỷ lệ: 92,2%
- Số TTN khuyết tật được tiếp cận GD: 1

Đối chiếu với tiêu chuẩn của tại Nghị định 20 và Thông tư 07:

Đánh giá tiêu chuẩn học sinh (đạt hoặc chưa đạt): Đạt

2. Điều kiện: Đội ngũ giáo viên, nhân viên

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 114 người
- Tổng số giáo viên: 103 ; Nhân viên thư viện, thiết bị, thí nghiệm: 3

Trong đó:

- + Số giáo viên đạt trình độ chuẩn: 103, tỉ lệ 100%
- + Số giáo viên đạt trình độ trên chuẩn: 3, tỉ lệ: 2,9%
- Xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp:
Tốt: 36; đạt tỉ lệ: 34,95%

Khá: 67; đạt tỉ lệ: 65,05 %

Đạt: 0; đạt tỉ lệ: 0%

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC đối với GDTHCS: 114
- Đối chiếu với tiêu chuẩn của tại Nghị định 20 và Thông tư 07:

Đánh giá tiêu chuẩn đội ngũ GV, NV (đạt hoặc chưa đạt): Đạt

3. Điều kiện: Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tổng số phòng học: 72 phòng, Tỷ lệ phòng học/lớp: 1,01 (71 lớp/72 phòng)
- Bàn ghế, bảng, điều kiện phòng học, điều kiện đáp ứng dạy học sinh khuyết tật: (đủ hoặc không đủ) theo quy định: Đủ
- Phòng chức năng: (đủ hoặc không đủ) theo quy định: Đủ
- Thiết bị dạy học tối thiểu theo TT 19/2009 (đủ hoặc không đủ): Đủ
- Sân chơi, bãi tập, môi trường (đảm bảo hoặc không đảm bảo): Đảm bảo
- Có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước (có hoặc không): Có
- Công trình vệ sinh cho GV: 9 ; công trình vệ sinh cho HS: 12
- Đối chiếu với tiêu chuẩn của tại Nghị định 20 và Thông tư 07:

Đánh giá điều kiện về CSVC, TBDH (đạt hoặc chưa đạt): Đạt

4. Hồ sơ phổ cập

4.1. Số lượng hồ sơ:

- Sổ theo dõi phổ cập của bậc THCS
- Phiếu điều tra
- + Phiếu điều tra của 25 thôn
- + Các phiếu điều tra có đầy đủ nội dung
- Sổ theo dõi chuyển đi, chuyển đến; Danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS.
- Các hồ sơ biểu mẫu, thống kê của bậc THCS

4.2. Chất lượng hồ sơ

- Có đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định của bậc THCS
- Cập nhập thường xuyên, số liệu đầy đủ, chính xác.
- Nội dung ghi rõ ràng, theo dõi đầy đủ chính xác công tác PCGD, XMC.
- Trình bày sạch sẽ, khoa học.

Đối chiếu với điều kiện đảm bảo phổ cập GDTHCS được quy định tại Nghị định 20/2014/NĐ-CP và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT:

Đoàn kiểm tra tự đánh giá: Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3

IV. Kết quả xóa mù chữ năm 2025

1. Chuẩn xóa mù chữ mức độ 1

- Tổng số đối tượng từ 15 đến 35 tuổi: 13.313 người
- Số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 13.313 người, tỷ lệ 100%
- Số người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 00 người, tỷ lệ 0%

2. Chuẩn xóa mù chữ mức độ 2

- Tổng số đối tượng từ 15 đến 60 tuổi: 27.566 người
- Số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 27.566 người, tỷ lệ 100%
- Số người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 00 người, tỷ lệ: 00%

3. Hồ sơ xóa mù chữ

3.1. Số lượng hồ sơ:

Đầy đủ hồ sơ Xóa mù chữ theo quy định.

3.2. Chất lượng hồ sơ

Hồ sơ đảm bảo tính khoa học, trình bày đúng thể thức văn bản.

Số liệu chính xác, tin cậy, logic giữa các hồ sơ

Đối chiếu với điều kiện đảm bảo Xóa mù chữ được quy định tại Nghị định 20/2014/NĐ-CP và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT:

Đoàn kiểm tra tự đánh giá: Đạt mức độ 2.

V. Đánh giá chung (*Kết quả PCGDMN cho trẻ 5 tuổi, phổ cập GDTH, phổ cập GDTHCS và Xóa mù chữ, ghi rõ đạt hay không đạt*):

1. Ưu điểm:

- Làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền địa phương, tăng cường xây dựng mới và tu sửa các phòng học, các phòng chức năng phục vụ cho mọi hoạt động dạy và học của nhà trường...
- Làm tốt công tác XHH giáo dục để trang bị một số thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học đồng thời sửa sang khuôn viên nhà trường xanh sạch đẹp.
- Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình trong mọi hoạt động của nhà trường và cấp trên giao cho.
- Giáo viên được đào tạo chính quy và có hệ đào tạo chuẩn và trên chuẩn đạt 100%.
- Có ý thức cao trong công tác tự rèn luyện và tự học.
- Các tổ chuyên môn hoạt động thường xuyên và có hiệu quả.
- Tác phong, thái độ làm việc của cán bộ, giáo viên được đổi mới tạo sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng.

2. Hạn chế

- Là một xã có 25 thôn, điều kiện kinh tế của nhân dân còn khó khăn nên việc đầu tư cho giáo dục còn hạn chế.

- Cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học của các đơn vị nhà trường đã được thay đổi cơ bản song chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu, đặc biệt là thiếu một số phòng học và các phòng chức năng.

- Một số phụ huynh học sinh: Chưa quan tâm, giám sát, kèm cặp con em trong thời gian học tập ở nhà dẫn đến việc học tập của các cháu chưa được nâng cao; việc huy động trẻ ra lớp còn khó khăn.

C. KẾT LUẬN:

Qua kết quả tự kiểm tra đơn vị xã Việt Yên đã đạt tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập GDTH, phổ cập GDTHCS, XMC năm 2025.

BCĐ nhất trí đề nghị Sở GD&ĐT tỉnh Hưng Yên thành lập đoàn kiểm tra và công nhận đơn vị xã Việt Yên đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2025:

- Đối với GDMN: Đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.
- Đối với GDTH: Đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3
- Đối với GDTHCS: Đạt chuẩn phổ cập GDTHCS mức độ 3
- Đối với Xóa mù chữ: Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2

Biên bản được thống nhất và làm 06 bản vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 10 năm 2025 tại văn phòng UBND xã Việt Yên (đơn vị giữ 01 bản, gửi BCD PCGD-XMC xã 02 bản).

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA


 HIỆU TRƯỞNG
Lê Thị Thùy Giang

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA


 PHÓ CHỦ TỊCH
ĐẶNG VĂN TÂN KHANH

UBND XÃ VIỆT YÊN
BAN CHỈ ĐẠO PCGD, XMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BCĐ

Việt Yên, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ chuyên môn giúp việc Ban chỉ đạo
phổ cập giáo dục, xóa mù chữ xã Việt Yên

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XOÁ MÙ CHỮ XÃ VIỆT YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đảm bảo nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Công văn số 298/SGDĐT-GDPT ngày 04/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên về việc tiếp tục hướng dẫn thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 18/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Việt Yên về việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ xã Việt Yên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Việt Yên về việc thành lập Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025;

Theo đề nghị của Phòng Văn hóa - Xã hội xã (cơ quan thường trực Ban chỉ đạo).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ chuyên môn giúp việc Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, Xóa mù chữ (sau đây viết tắt là Ban chỉ đạo PCGD, XMC) xã Việt Yên gồm các ông, bà có tên sau:

*** Tổ trưởng:**

Ông Nguyễn Văn Bính - Hiệu trưởng Trường TH&THCS Việt Cường;

*** Tổ phó:**

- Bà Lê Thị Lựa - Hiệu trưởng Trường TH&THCS Yên Hoà;

- Bà Lê Thị Khuyên - Hiệu trưởng Trường TH&THCS Thanh Long;

- Bà Lê Thị Thuỳ Giang - Hiệu trưởng Trường THCS Yên Phú.

*** Thành viên**

- Bà Nguyễn Thị Mai - Phó Hiệu trưởng Trường TH&THCS Yên Hoà;

- Bà Hoàng Thị Thảo - Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Yên Phú;

- Ông Nguyễn Văn Oanh - Phó Hiệu trưởng Trường TH&THCS Việt Cường;

- Bà Nguyễn Thị Sáu - Giáo viên trường Mầm non Yên Phú;

- Bà Trần Thị Lan Hương - Giáo viên trường TH&THCS Thanh Long;

- Bà Tạ Thị Phương Thảo - Nhân viên trường THCS Yên Phú;

- Bà Hoàng Thị Duyên Hải - Nhân viên trường TH&THCS Minh Châu.

Điều 2. Nhiệm vụ của Tổ chuyên môn giúp việc cho Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã:

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 18/8/2025 của UBND xã Việt Yên và các văn bản của cấp trên;

- Lập kế hoạch điều tra và xử lý số liệu cơ sở về công tác PCGD, XMC;

- Chuẩn bị các tài liệu, văn bản liên quan đến công tác PCGD, XMC;

- Thành lập các tổ điều tra, xử lý số liệu theo số lượng từng thôn được phân công;

- Đồng chí Tổ trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên;

- Tổ chuyên môn giúp việc tự giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các thành viên Ban chỉ đạo; Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, TH&THCS có nhiều cấp học trên địa bàn xã và các ông, bà có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thành viên BCD;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.



TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Đặng Văn Tân Khanh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

**Hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi
xã Việt Yên năm 2025**

Thực hiện Quyết định số 1192/QĐ-SGDĐT ngày 12/12/2025 của Sở GDĐT về việc Về việc thành lập Đoàn kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các xã, phường năm 2025;

Hôm nay, từ 8h00 ngày 16/12/2025, Đoàn Kiểm tra PCGD, XMC tỉnh đã tiến hành kiểm tra PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi xã Việt Yên năm 2025.

I. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC

1. Đại diện Đoàn Kiểm tra của tỉnh

- Bà Nguyễn Thị Duyên, Chuyên viên phòng GDMN;
- Ông Vũ Khánh Hoàn - Chuyên viên phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở GDĐT;

2. Đại diện của xã Việt Yên

- Ông Đặng Văn Tân Khanh - Phó CT UBND xã - Trưởng ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên;
- Bà Trần Thị Thúy Hòa - Trưởng phòng VH-XH - Phó trưởng ban chỉ đạo PCGD, XMC xã
- Bà Lương Thị Thanh – Phó trưởng phòng VH-XH xã Việt Yên - ủy viên;

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kiểm tra hồ sơ và kết quả thực tế kết quả thực hiện PCGD, XMC của huyện.

2. Kiểm tra thực tế hộ dân:

(có biên bản kèm theo).

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Công tác quản lý, chỉ đạo, thực hiện PCGD, XMC

Căn cứ văn bản cấp trên, UBND xã Việt Yên đã kịp thời ban hành văn bản:

- Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 18/08/2025 của UBND xã Việt Yên về việc thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025.

- Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND xã Việt Yên về việc thành lập Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025;

- Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 27/8/2025 của UBND xã Việt Yên về việc thành lập Tổ chuyên môn giúp việc Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên;

- Công văn số 01/BCĐ-PCGD ngày 26/8/2025 về việc hướng dẫn thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025; Giấy triệu tập số 02/GTrT-BCĐ ngày

10/9/2025 của Ban chỉ đạo PCGD, XMC năm 2025 về việc nắm bắt tình hình, kết quả thực hiện công tác PCGD, XMC tại các đơn vị; Giấy triệu tập số 03/GTrT-BCĐ ngày 22/9/2025 của Ban chỉ đạo PCGD, XMC năm 2025 về việc nắm bắt tình hình, kết quả thực hiện, giải quyết những thắc mắc trong quá trình thực hiện tại các đơn vị;

- Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 10/10/2025 của UBND xã Việt Yên về việc thành lập Đoàn tự kiểm tra, đánh giá PCGD, XMC năm 2025;

Trên cơ sở các văn bản đã ban hành, Ban chỉ đạo đã phối hợp với các ban, ngành trong công tác chỉ đạo thực hiện đảm bảo tính thống nhất cao từ cấp xã đến các ban ngành, đoàn thể;

- Chỉ đạo thực hiện kịp thời, phù hợp, đảm bảo tiến độ theo đúng Kế hoạch của xã, của tỉnh (công tác thực hiện điều tra, nhập liệu, tự kiểm tra đánh giá,....)

- Căn cứ Kế hoạch, các quyết định đã ban hành và phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên trong ban chỉ đạo, thực hiện công tác tuyên truyền, quán triệt đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, nhân dân các văn bản chỉ đạo về công tác PCGD, XMC trên địa bàn xã:

+ Cử cán bộ tham dự tập huấn cấp trên và tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025.

+ Chỉ đạo tổ chức rà soát, điều tra, thu thập thông tin trên phiếu điều tra và nhập liệu vào hệ thống thông tin phổ cập giáo dục, xóa mù chữ:

+ Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện kế hoạch PCGD, XMC.

+ Rà soát, điều tra, thu thập thông tin đầy đủ, chính xác; điền các thông tin trên phiếu điều tra.

+ Tổ chức nhập liệu vào hệ thống phần mềm PCGD, XMC.

+ Thành lập đoàn tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC trên địa bàn xã.

+ Hoàn thiện hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, trình Sở GDĐT tỉnh Hưng Yên kiểm tra, công nhận xã đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2025.

+ Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ phổ cập đúng quy định.

2. Kết quả kiểm tra Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi:

a. Hồ sơ:

- Số lượng: Có đầy đủ danh mục hồ sơ theo quy định.

- Chất lượng hồ sơ: bộ hồ sơ được sắp xếp gọn gàng, trình bày sạch sẽ, thể thức văn bản thực hiện đúng theo quy định của Nghị định 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ, số liệu cập nhật đầy đủ, có sự liên thông giữa các bảng biểu và báo cáo.

b. Điều kiện, tiêu chuẩn đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

Tiêu chuẩn:

- Tổng số trẻ 5 tuổi ra lớp: 622/622 trẻ đạt tỷ lệ: 100%;

- Số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN trong năm học 2024-2025: 667 (đạt tỷ lệ: 100%);
- Số trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày: 622/622 trẻ, đạt tỷ lệ: 100%.
- 100% trẻ 5 tuổi theo diện chính sách được hưởng đầy đủ chế độ theo quy định

Điều kiện đảm bảo:

Đội ngũ giáo viên, nhân viên:

Tổng số giáo viên: 193 cô; Tỷ lệ giáo viên được hưởng chính sách theo quy định: 193/193 cô đạt 100%;

Giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi:

Tổng số 39 giáo viên/ 27 lớp đạt tỷ lệ 1,44 GV/ lớp;

Trình độ đào tạo: 39/39 giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo;

Đạt chuẩn nghề nghiệp: 39/39 giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt mức khá trở lên;

Số cán bộ theo dõi công tác PCGD: đối với phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi: 208 người (100% CBQL, giáo viên tham gia)

Xã Việt Yên đảm bảo điều kiện về đội ngũ giáo viên

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: 27 phòng/ 27 lớp, đảm bảo 01 phòng/01 lớp; 27/27 phòng đảm bảo phòng kiên cố, cao tầng; đảm bảo an toàn, đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè. Các nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hoá lắp đặt được hệ thống điều hoà không khí ở các lớp học. Diện tích các phòng học tính trên đầu trẻ đạt yêu cầu theo quy định về điều kiện đảm bảo đạt chuẩn phổ cập.

Các điều kiện về cơ sở vật chất khác: 100% các trường mầm non có cổng, biển tên trường; các lớp 5 tuổi trên địa bàn xã có đầy đủ thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ thực hiện các hoạt động giáo dục; 100% trẻ em 5 tuổi được học ở môi trường cảnh quan có đầy đủ sân chơi xanh, sạch, đẹp và sân có thiết bị đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn; có đầy đủ công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, nguồn nước sạch đảm bảo tối sinh hoạt hàng ngày của trẻ (tại thời điểm kiểm tra 4/5 trường đạt chuẩn quốc gia, 1/5 trường chưa đạt chuẩn – trường MN Yên Hòa);

Xã Việt Yên đáp ứng đủ điều kiện về cơ sở vật chất đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

4. Hạn chế:

Trường MN Yên Hòa phòng học, nhà vệ sinh, bếp ăn thiếu diện tích, đồ chơi ngoài trời xuống cấp.

5. Kết quả:

Xã Việt Yên đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi

VI. Đề xuất, kiến nghị:

Tiếp tục tuyên truyền tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức của toàn Đảng, toàn dân về vai trò, tầm quan trọng của công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Tiếp tục đầu tư kinh phí để sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung các trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi để duy trì nâng cao kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và chuẩn bị các điều kiện tiến tới thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi.

Việc kiểm tra kết thúc hồi 10h30 cùng ngày. Biên bản được thông qua tại cuộc họp, lập thành 02 bản có giá trị như nhau, không ai có ý kiến khác.

**ĐẠI DIỆN BCĐ PCGD, XMC
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ**



Đặng Văn Tân Khanh

TM. ĐOÀN KIỂM TRA



Nguyễn Thị Duyên



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC NĂM 2025
XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Hồi 08h20' ngày 16/12/2025, Đoàn kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các xã/phường năm 2025 theo Quyết định số 1192/QĐ-SGDĐT ngày 12/12/2025 việc thành lập Đoàn kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các xã, phường năm 2025; Sở GDĐT tiến hành kiểm tra công tác phổ cập giáo dục tiểu học năm 2023 đối với xã Việt Yên tỉnh Hưng Yên, nội dung gồm:

I. THÀNH PHẦN

1. Tổ kiểm tra công tác PCGD bậc Tiểu học

- Ông Nguyễn Trung Kiên – Phòng VH-XH xã Yên Mỹ;

2. Đại diện Phòng VHXXH xã Việt Yên

- Bà Trần Thị Thúy Hòa – Trưởng phòng VH-XH;

- Bà Lương Thị Thanh – Phó trưởng phòng VH-XH;

3. Ban Chỉ đạo PCGD – XMC xã Việt Yên

- Ông Đặng Văn Tân Khanh – P.CT UBND xã;

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Hồ sơ PCGD-XMC

a) Ưu điểm:

- Hồ sơ PCGD tiểu học năm 2025 của xã đảm bảo theo quy định.
- Cập nhật số liệu thường xuyên, đầy đủ.

b) Hạn chế:

- Tại thời điểm kiểm tra hồ sơ vẫn còn có những thiếu sót như chuẩn nghề nghiệp giáo viên đánh giá theo chuẩn cũ (xuất sắc, khá, TB, kém) cần đánh giá theo chuẩn mới (tốt, khá, đạt, ko đạt). Biểu thống kê các đơn vị cần ghi đúng tên trường TH&THCS Minh Châu và thống nhất giữa các biểu.

2. Các tiêu chuẩn PCGD bậc Tiểu học

a) Tỷ lệ trẻ được huy động

- Tổng số trẻ 6 tuổi: 667
- Số trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 667, tỉ lệ: 100% - Đạt mức 3.
- Tổng số trẻ 11 tuổi: 751 ; trong đó
 - + Số trẻ 11 tuổi HTCTTH: 718, tỉ lệ: 95,6 %
 - + Số trẻ 11 tuổi đang học tiểu học: 33 , tỉ lệ 4,4%

b) Đội ngũ giáo viên, nhân viên:



- Tổng số giáo viên: 138; tỉ lệ giáo viên/lớp: 1,33 - Đánh giá: Đảm bảo.
- + Số giáo viên đạt chuẩn trình độ: 138, tỉ lệ: 100%
- + Số giáo viên trên chuẩn: 01, tỉ lệ: 0,72%
- Số GV đạt chuẩn nghề nghiệp: 138, tỉ lệ: 100% - Đánh giá: Đảm bảo.
- Số nhân viên: 7
- Số người được phân công theo dõi công tác PCGDTH: 138
- c) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:
 - Tổng số lớp: 104
 - Tổng số phòng học: 104 ; tỉ lệ phòng/lớp: 1,0 - Đánh giá: Đảm bảo.

3. Đánh giá chung về PCGD bậc Tiểu học

- Ưu điểm: Hồ sơ đầy đủ theo quy định, chất lượng đảm bảo.
- Hạn chế: Cần bổ sung các số liệu theo kiến nghị của đoàn kiểm tra.

III. KẾT LUẬN

Đối chiếu với quy định kiểm tra, công nhận PCGD-XMC ban hành tại Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, Đoàn kiểm tra đánh giá và kết luận:

Xã Việt Yên đạt chuẩn Phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3 năm 2025.

**T/M BAN CHỈ ĐẠO PCGD-XMC
XÃ VIỆT YÊN**



**PHÓ CHỦ TỊCH
ĐẶNG VĂN TÂN KHANH**

THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TRA

Nguyễn Trung Kiên



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Kiểm tra phổ cập giáo dục trung học cơ sở, xóa mù chữ năm 2025
tại xã Việt Yên**

Thực hiện Quyết định số 1192/QĐ-SGDĐT ngày 12/12/2025 của Sở GDĐT về việc Về việc thành lập Đoàn kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các xã, phường năm 2025;

Từ 7h30 ngày 16/12/2025, Đoàn Kiểm tra PCGD, XMC tỉnh đã kiểm tra công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ năm 2025 của xã Việt Yên.

I. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC

1. Đại diện Đoàn Kiểm tra của tỉnh:

- Bà Nguyễn Phương Nga, Phó Trưởng phòng GDCN-GDPTX, Sở GDĐT;
- Ông Nguyễn Văn Dũng, Chuyên viên phòng GDPT, Sở GDĐT;

2. Đại diện của xã Việt Yên

- Ông Đặng Văn Tân Khanh – Phó Chủ tịch xã Việt Yên;
- Bà Lương Thị Thanh – Phó TP VHXXH xã Việt Yên;
- Ông Nguyễn Văn Oanh – Phó Hiệu trưởng trường TH&THCS Việt Cường.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kiểm tra hồ sơ và kết quả thực tế việc thực hiện PCGD THCS của xã.
2. Thảo luận, thông qua biên bản kiểm tra.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Công tác quản lý, thực hiện PCGD, XMC:

- Ban chỉ đạo PCGD, XMC của xã đã xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện công tác PCGD, XMC; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên thực hiện công tác PCGD, XMC tại địa phương.

- Tiến hành rà soát, điều tra số liệu, thu thập thông tin trên phiếu điều tra và nhập liệu vào hệ thống thông tin PCGD, XMC theo kế hoạch đã xây dựng, lập báo cáo đúng thời điểm.

2. Về hồ sơ:

- Xã có đầy đủ hồ sơ PCGD THCS, XMC theo quy định.
- Hồ sơ được trình bày rõ ràng, lưu giữ khoa học.

3. Về tiêu chuẩn đảm bảo PCGD THCS, XMC.

a) Số lớp, số học sinh

- Tổng số lớp: 71
- Số thanh thiếu niên độ tuổi 15-18: 2457

- Số thanh thiếu niên độ tuổi 15-18 phải phổ cập: 2448
- Số thanh thiếu niên độ tuổi 15-18 tốt nghiệp THCS: 2396; đạt tỷ lệ 97,88%.
- Số thanh thiếu niên độ tuổi 15-18 đã và đang học THPT, hoặc GDTX hoặc GDDN: 2279; đạt tỷ lệ 93,1%.
- Số trẻ khuyết tật: 09, số trẻ khuyết tật có khả năng học tập: 1, số khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 1; đạt tỉ lệ 100%.

b) Đội ngũ giáo viên;

- Tổng số giáo viên: 103; Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,3;
- Số đạt chuẩn trình độ đào tạo: 103, đạt 100%;
- Số đạt chuẩn nghề nghiệp: 103, đạt 100%.

c) Cơ sở vật chất, phòng học:

- Tổng số phòng học: 72; tỷ lệ phòng/lớp: 1,01.
- Tình hình phòng học: đủ, các phòng chức năng: đủ.
- Tình hình thiết bị giảng dạy, sân chơi: Có thiết bị dạy học tối thiểu; có sân chơi, sân tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên.
- Tình hình cổng, tường bao quanh trường: Có tường bao và cổng đảm bảo an ninh.
- Tình hình khu để xe: Có đủ lán để xe cho giáo viên và học sinh.
- Khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ, học sinh, giáo viên được xây dựng kiên cố, vệ sinh sạch sẽ.
- Môi trường: Có hệ thống cây xanh xung quanh trường, vệ sinh đảm bảo.

d) Xóa mù chữ:

- Số dân độ tuổi 15-35: 13313
- Số dân biết chữ mức độ 1: 13313, tỉ lệ: 100%
- Số chưa biết chữ mức độ 1: 0
- Số dân độ tuổi 15- 60: 27566
- Số biết dân biết chữ mức độ 2: 27566, tỉ lệ: 100%
- Số chưa biết chữ mức độ 2: 0.

4. Hạn chế:

- Tỉ lệ giáo viên còn thấp, thiếu giáo viên ở bộ môn Tin học, Âm nhạc, GDTC, GDGD, Địa lý.
- Thiết bị dạy học còn ít về số lượng và chủng loại.

5. Kết quả PCGD THCS, XMC của xã: đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3, đạt chuẩn XMC mức độ 2.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

1. Đoàn Kiểm tra:



- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền nhằm nêu cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về công tác PCGD, XMC.
- Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện tốt công tác PCGD, XMC.

2. Kiến nghị của cơ sở:

Tiếp tục tăng cường kinh phí hỗ trợ nhà trường để mua sắm một số thiết bị; kiến nghị cấp có thẩm quyền tuyển dụng, điều động giáo viên đảm bảo đủ số lượng các môn học.

Việc kiểm tra kết thúc hồi 10h30 cùng ngày. Biên bản được thông qua tại cuộc họp, lập thành 02 bản có giá trị như nhau, không ai có ý kiến khác.

**ĐẠI DIỆN BCĐ XÃ
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ**



Đặng Văn Tân Khanh

TM. ĐOÀN KIỂM TRA

Nguyễn Văn Dũng

TRƯỜNG

Số: 190/BC-UBND

Việt Yên, ngày 16 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO
Tổ chức thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025

Kính gửi: - Ban chỉ đạo PCGD, XMC tỉnh Hưng Yên;
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Nghị định số 20/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC); Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC;

Thực hiện Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 18/08/2025 của UBND xã Việt Yên về việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ xã Việt Yên năm 2025;

Thực hiện Công văn số 01/BCĐ-PCGD ngày 26/8/2025 của Ban chỉ đạo PCGD-XMC xã Việt Yên về việc hướng dẫn thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025; Ủy ban nhân dân xã Việt Yên báo cáo quá trình tổ chức thực hiện và kết quả PCGD, XMC năm 2025 như sau:

Phần I
ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND xã Việt Yên, Phòng Văn hóa - Xã hội xã Việt Yên trong công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC), từ khâu ban hành các văn bản hướng dẫn và tổ chức các lớp tập huấn cho các thành viên làm công tác PCGD, XMC.

- Các ban ngành đoàn thể trong xã đồng hành, chia sẻ cùng với Ban chỉ đạo công tác PCGD, XMC trong suốt quá trình xây dựng kế hoạch, điều tra phổ cập và đến khi hoàn thiện hồ sơ PCGD, XMC.

- Ban Giám hiệu, các cán bộ, giáo viên, nhân viên của 3 cấp học trong xã nhiệt tình, có trách nhiệm, có tinh thần vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ PCGD, XMC năm 2025.

II. Khó khăn

- Công tác PCGD, XMC năm 2025, gặp nhiều khó khăn, do chưa có phần mềm phổ cập của Bộ, các xã sáp nhập, dữ liệu điều tra lớn, thông tin các trường xã ngoài sau khi thay đổi chưa đồng bộ, chưa có mã cụ thể.

- Biến động lớn về con người, hộ khẩu có thể ở địa phương, nhưng sinh sống và làm việc ở xã, tỉnh khác, việc rà soát đồng bộ dữ liệu về dân cư, điều tra phổ cập cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc.

Phần II

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Hoạt động của UBND xã

- UBND xã Việt Yên xây dựng Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 18/08/2025 về việc thực hiện công tác PCGD, XMC;
- UBND xã ban hành Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025;
- Ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 27/8/2025 về việc thành lập Tổ chuyên môn giúp việc Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên;
- Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên ban hành Công văn số 01/BCĐ-PCGD ngày 26/8/2025 về việc hướng dẫn thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025; Giấy triệu tập số 02/GTrT-BCĐ ngày 10/9/2025 của Ban chỉ đạo PCGD, XMC năm 2025 về việc nắm bắt tình hình, kết quả thực hiện công tác PCGD, XMC tại các đơn vị; Giấy triệu tập số 03/GTrT-BCĐ ngày 22/9/2025 của Ban chỉ đạo PCGD, XMC năm 2025 về việc nắm bắt tình hình, kết quả thực hiện, giải quyết những thắc mắc trong quá trình thực hiện tại các đơn vị;
- Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 10/10/2025 của UBND xã Việt Yên về việc thành lập Đoàn tự kiểm tra, đánh giá PCGD, XMC năm 2025;
- Trình Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên kiểm tra, thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2025.

2. Hoạt động của Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã

- Tuyên truyền, quán triệt đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, nhân dân các văn bản chỉ đạo đến công tác PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025.
- Tập huấn, tham gia tập huấn nghiệp vụ PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025.
- Tổ chức rà soát, điều tra, thu thập thông tin trên phiếu điều tra và nhập liệu vào hệ thống thông tin phổ cập giáo dục, xóa mù chữ:
 - + Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung tâm học tập cộng đồng cấp xã trong việc thực hiện kế hoạch PCGD, XMC.
 - + Rà soát, điều tra, thu thập thông tin đầy đủ, chính xác; điền các thông tin trên phiếu điều tra.
 - + Tổ chức nhập liệu vào hệ thống phần mềm PCGD, XMC (UBND xã mua phần mềm, do chưa có phần mềm của Bộ GD&ĐT) - Công ty Cổ phần đầu tư Phát triển và chuyển giao Công nghệ Việt Nam.

+ Phân công người phụ trách, theo dõi tiến độ thực hiện và độ chính xác của cập nhật thông tin, báo cáo phòng VH-XH về các vấn đề phát sinh trong cập nhật dữ liệu lên phần mềm quản lý PCGD, XMC.

- Thành lập đoàn tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC trên địa bàn xã.
- Hoàn thiện hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, trình Sở GD&ĐT tỉnh Hưng Yên kiểm tra, công nhận xã đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2025.
- Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ phổ cập đúng quy định.

3. Hoạt động của các nhà trường MN, TH, THCS

- Trường THCS là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp xã. Các nhà trường tiếp nhận các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT, UBND xã Việt Yên, Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Việt Yên. Tham mưu cho UBND xã và Ban chỉ đạo hướng dẫn cán bộ xã, thôn và giáo viên, nhân viên các nhà trường thực hiện công tác PCGD, XMC theo tinh thần của Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

- Tham mưu cho UBND xã thành lập Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ thành viên Ban chỉ đạo, Kế hoạch thực hiện PCGD, XMC xã Việt Yên năm 2025.

- Phân công cán bộ của 11 nhà trường THCS, TH, MN trực tiếp thu thập dữ liệu, cập nhật thông tin lên Hệ thống quản lý thông tin PCGD, XMC đảm bảo chính xác hoá dữ liệu.

- Rà soát các tiêu chuẩn, điều kiện đảm bảo PCGD, XMC theo quy định và phối hợp với Ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp xã tham mưu cho UBND xã thực hiện công tác tự kiểm tra các tiêu chuẩn PCGD, XMC; hoàn thiện hồ sơ đề nghị UBND tỉnh kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC.

- Tham mưu cho UBND xã hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ làm công tác PCGD, XMC và hoàn thiện hồ sơ theo quy định của xã, Sở GD&ĐT và Bộ GD&ĐT.

4. Hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể xã

4.1. UBMTTQ Việt Nam xã

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

UBMTTQ Việt Nam xã đã làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương về công tác tuyên truyền, phân công nhiệm vụ cho các Ban ngành đoàn thể; các tổ chức chính trị trong xã; Các đồng chí trưởng thôn của 25 thôn về mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ của công tác PCGD, XMC.

4.2. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM xã tích cực tham gia cùng các tổ điều tra xuống các hộ dân đồng thời xác nhận thông tin ban đầu quan trọng cho tổ điều tra.

4.3. Hội Liên hiệp Phụ nữ xã

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Hội Liên hiệp Phụ nữ xã đã tích cực đồng hành cùng các thành viên của tổ điều tra các buổi tối, các ngày nghỉ để xác minh các hộ gia đình phức tạp; các địa bàn ở xã khu trung.

4.4. Hội Khuyến học xã

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Hội khuyến học xã cung cấp thông tin học sinh đỗ Đại học - Cao đẳng năm học 2023-2024 và năm học 2024-2025.

4.5. Hội Người cao tuổi xã

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Hội Người cao tuổi xã đã cùng các thành viên trong tổ điều tra PCGD-XMC xác minh thông tin của các cá nhân trên 50 tuổi và dưới 60 tuổi về hoàn thành chương trình tiêu học, THCS.

4.6. Hội Cựu Chiến binh xã

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Hội Cựu chiến binh xã đã đồng hành cùng các tổ điều tra tới các địa bàn xa trung tâm, các gia đình phức tạp, tạo tâm lý an tâm cho các thành viên trong tổ điều tra.

4.7. Tài chính - Kế toán

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Phòng Tài chính tham mưu UBND xã để cấp nguồn kinh phí hoạt động cho công tác thực hiện PCGD, XMC

4.8. Tư pháp - Hộ tịch

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Cung cấp dữ liệu trẻ mới sinh, người đã mất hoặc chuyển đi đến trong độ tuổi 0-60 tuổi cho Ban chỉ đạo PCGD, XMC

4.9. Lãnh đạo các thôn, xóm

Nhiệm vụ và chức năng tham gia công tác PCGD, XMC năm 2025

Các đồng chí Trưởng thôn tích cực trong việc rà soát các đối tượng trong độ tuổi điều tra PCGD, XMC; đồng hành cùng các thành viên của tổ điều tra các buổi tối, các ngày nghỉ để xác minh các hộ gia đình đi làm cả ngày.

II. KẾT QUẢ

1. Số liệu chung

TT	Xã/phường/thị trấn	Số thôn	Số hộ dân	Số hộ đã được rà soát, điều tra	Tỉ lệ số hộ được rà soát, điều tra (%)
1	Xã Việt Yên	25	9.622	9.622	100%

2. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi:

a) Tình hình trẻ em 5 tuổi

TT	Xã/phường/thị trấn	Trẻ em 5 tuổi					Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng số (2025-2026)	Số trẻ đến lớp (2025-2026)	Tỷ lệ trẻ đến lớp (%)	Số trẻ hoàn thành chương trình GD mầm non (2024-2025)	Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình GD mầm non (2024-2025) (%)	
1	Xã Việt Yên	622	622	100%	667	100%	Đạt

b) Đội ngũ giáo viên, nhân viên:

TT	Xã/phường/thị trấn	Số lớp mẫu giáo 5 tuổi	Tình hình giáo viên						Đánh giá đạt/không đạt
			Tổng số	Số được hưởng chế độ theo quy định hiện hành	Số dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi	Số dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn trình độ	Định biên GV/lớp 5 tuổi	Số dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn nghề nghiệp	
1	Xã Việt Yên	27	193	193	39	39	1,44	39	Đạt

Đánh giá đội ngũ giáo viên, nhân viên:

- Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định; đảm bảo quyền lợi về lương, phụ cấp, bảo hiểm và chế độ khác theo quy định.

- Tỷ lệ giáo viên đứng lớp đảm bảo theo quy định.

- Đội ngũ có ý thức trách nhiệm cao, đoàn kết, tích cực đổi mới phương pháp chăm sóc – giáo dục trẻ, ứng dụng công nghệ thông tin và giáo dục STEAM trong hoạt động.

+ Giáo viên dạy lớp 5 tuổi:

- 100% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT.

100% giáo viên 5 tuổi đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt, khóa.

- Giáo viên có kinh nghiệm, kỹ năng sư phạm vững vàng, nắm chắc chương trình giáo dục mầm non, biết lồng ghép nội dung chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 một cách nhẹ nhàng, hiệu quả.

*** Hạn chế:**

- Một số giáo viên trình độ tin học, kỹ năng ứng dụng CNTT trong giảng dạy còn hạn chế, chưa linh hoạt khi sử dụng học liệu số.

+ Giải pháp khắc phục hạn chế trong thời gian tới:

- Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên thông qua các hình thức sinh hoạt chuyên môn, thao giảng, dự giờ, học tập qua mạng, bồi dưỡng thường xuyên theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học, hướng dẫn giáo viên khai thác hiệu quả học liệu số, thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng phần mềm hỗ trợ đánh giá trẻ.

- Khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng mềm, phát triển năng lực nghề nghiệp theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, tồn tại trong đội ngũ để có hướng hỗ trợ, điều chỉnh phù hợp.

c) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

TT	Xã/phường/ thị trấn	Số lớp mẫu giáo 5 tuổi	Số phòng học cho lớp mẫu giáo 5 tuổi	Số phòng học kiên cố hoặc bán kiên cố, an toàn	Số phòng sinh hoạt chung bảo đảm diện tích tối thiểu 1,5m ² /trẻ	Số phòng sinh hoạt chung đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè quạt mát	Số lớp mẫu giáo 5 tuổi đủ đồ chơi, thiết bị tối thiểu	Số sân chơi	Có đủ nguồn nước sạch	Đánh giá đạt/k hông đạt
1	Xã Việt Yên	27	27	0	Đảm bảo	Đảm bảo	27	27	Có	Đạt

Đánh giá ưu điểm, hạn chế và giải pháp khắc phục trong thời gian tới về các nội dung (theo Thông tư 07) sau:

- Các phòng học dành cho lớp 5 tuổi: 100% các phòng học dành cho trẻ em 5 tuổi là kiên cố cao tầng, an toàn, đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè. Các nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hoá lắp đặt được hệ thống điều hoà không khí ở các lớp học. Diện tích các phòng học tính trên đầu trẻ đạt yêu cầu theo quy định về tiêu chuẩn phổ cập.

- Số lớp mẫu giáo 5 tuổi: Được trang bị đồ dùng, đồ chơi và thiết bị dạy học theo qui định của Bộ GD&ĐT về danh mục đồ dùng, đồ chơi tối thiểu. Hằng năm các trường đều dành nguồn ngân sách hoặc vận động xã hội hoá từ nhân dân để đầu tư mua sắm bổ sung đồ dùng đồ chơi cho các lớp học.

- Bố trí sân chơi; 100% sân chơi thoáng mát, an toàn và trang bị đủ đồ chơi ngoài trời, hệ thống nước sạch đảm bảo đầy đủ hợp vệ sinh tạo điều kiện tốt nhất trong việc chăm sóc nuôi dưỡng trẻ, các công trình vệ sinh được bố trí thuận tiện, sạch sẽ và hợp vệ sinh.

- Tồn tại:

Đồ chơi cho trẻ còn thiếu và chưa được cập mới bổ sung định kì, khu vực vui chơi của các con chưa được quy hoạch tổng thể, khép kín... không gian còn thiếu.

- Giải pháp:

Đề nghị các đơn vị bổ sung đồ chơi, thiết bị ngoài trời cho học sinh mầm non kịp thời, định kì hằng năm.

Kết quả PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Đạt

3. Phổ cập giáo dục tiểu học:

a) Tỷ lệ trẻ được huy động

- Mức độ 1:

TT	Xã/phường/thị trấn	Trẻ em 6 tuổi			Trẻ em 14 tuổi			Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng số	Số trẻ vào lớp 1	Tỷ lệ vào lớp 1 (%)	Tổng số	Số trẻ HTCT tiểu học	Tỷ lệ trẻ HTCT tiểu học (%)	
1	Xã Việt Yên	667	667	100%	678	675	99,55%	Đạt

- Mức độ 2 và mức độ 3:

TT	Xã/phường/thị trấn	Trẻ 6 tuổi			Trẻ 11 tuổi				Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng số	Số trẻ vào lớp 1	Tỷ lệ vào lớp 1 (%)	Tổng số	HTCT tiểu học	Tỷ lệ HTCT tiểu học (%)	Số đang học tiểu học	
1	Xã Việt Yên	667	667	100%	751	717	95,47	33	Đạt

b) Đội ngũ giáo viên, nhân viên:

TT	Xã/phường/thị trấn	Giáo viên					Số người theo dõi công tác PCGD, XMC	Số nhân viên	Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng số	Số đạt chuẩn trình độ	Tỷ lệ đạt chuẩn trình độ (%)	Số đạt chuẩn nghề nghiệp	Tỷ lệ đạt chuẩn nghề nghiệp (%)			
1	Xã Việt Yên	138	138	100%	138	100%	138	7	Đạt

Đánh giá đội ngũ giáo viên, nhân viên:

- Ưu điểm:

+ Tỷ lệ giáo viên/lớp: 138/104, đạt tỉ lệ 1,33 giáo viên/lớp

+ Giáo viên đạt trình độ chuẩn đào tạo.

+ Giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp (giáo viên tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó xếp loại xuất sắc và khá đạt 100%; Số cán bộ giáo viên được phân công theo dõi phổ cập của các xã: 145 người)

- Hạn chế:

+ Tỷ lệ giáo viên chưa đáp ứng dạy 2 buổi/ngày

- Giải pháp khắc phục hạn chế trong thời gian tới:

+ Đề xuất với Sở GD&ĐT, UBND tỉnh Hưng Yên tuyển dụng giáo viên để đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp thực hiện dạy 2 buổi/ ngày

+ Tiếp tục cử giáo viên đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

c) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

TT	Xã/phường/thị trấn	Số lớp	Số phòng học	Tỷ lệ phòng/lớp	Đánh giá đạt/không đạt
1	Xã Việt Yên	104	104	1/1	Đạt

Đánh giá ưu điểm, hạn chế và giải pháp khắc phục trong thời gian tới về các nội dung (theo Thông tư 07) sau:

- Ưu điểm:

+ Mạng lưới trường Tiểu học (được bố trí tại trung tâm của các cụm xã, thuận lợi về giao thông, học sinh đi học thuận lợi và an toàn)

+ Số phòng học đạt tỷ lệ (đảm bảo so với quy định, tỷ lệ các phòng học được xây dựng kiên cố cao tầng đúng quy định cao, an toàn; có đủ bàn ghế học sinh phù hợp với lứa tuổi và đủ thiết bị dạy học theo quy định; phòng học thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông; các phòng chức năng đủ theo quy định, thuận lợi cho việc quản lý, điều hành hoạt động của các nhà trường)

+ Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; đồ dùng dạy học và thiết bị dạy học được các nhà trường và giáo viên thường xuyên sử dụng đúng mục đích.

+ Có đủ sân chơi có diện tích đảm bảo, phù hợp, được thường xuyên sử dụng; môi trường cảnh quan của các nhà trường sạch sẽ, vệ sinh, đẹp; có đủ nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước đảm bảo; công trình vệ sinh của giáo viên và học sinh được xây dựng phù hợp, thuận tiện và hợp vệ sinh, có khu vệ sinh nam và nữ riêng biệt.

- Tồn tại:

+ Một số trường đang xây dựng diện tích sân chơi bị thu hẹp do tập kết vật liệu xây dựng (trường Tiểu học Yên Phú)

- Biện pháp khắc phục:

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng để đưa phòng học vào sử dụng và hoàn thiện công trình phụ trợ (sân chơi, hệ thống thoát nước,...). Quy hoạch tổng thể về cảnh quan sân trường sớm, và bổ sung đầy đủ kịp thời, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của ngành, theo tỉ lệ học sinh...

Kết quả PCGD tiểu học: Đạt mức độ 3

4. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở:

a) Tình hình thanh thiếu niên 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THCS, đang học THPT hoặc GDTX cấp THPT, hoặc giáo dục nghề nghiệp (GDNN)

T T	Xã/phường/thị trấn	Đạt chuẩn PCGD TH mức độ	Đạt chuẩn XMC mức độ	Tình hình thanh thiếu niên 15 đến 18 tuổi					Đánh giá đạt/không đạt
				Tổng số	Số tốt nghiệp THCS	Tỷ lệ tốt nghiệp THCS (%)	Số đang học THPT hoặc GDTX hoặc GDNN	Tỷ lệ đang học THPT hoặc GDTX hoặc GDNN (%)	
1	Xã Việt Yên	3	2	2501	2444	97,72	2306	92,20	Đạt

b) Đội ngũ giáo viên, nhân viên:

TT	Xã/phường/thị trấn	Giáo viên					Số nhân viên	Số người theo dõi công tác PCGD, XMC	Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng Số	Số đạt chuẩn trình độ	Tỷ lệ đạt chuẩn trình độ (%)	Số đạt chuẩn nghề nghiệp	Tỷ lệ đạt chuẩn nghề nghiệp (%)			
1	Xã Việt Yên	103	103	100%	103	100%	11	113	Đạt

Đánh giá đội ngũ giáo viên, nhân viên:

- Ưu điểm:

Định biên giáo viên và nhân viên theo quy định của phổ cập giáo dục THCS; giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên 91 người, trong đó trên chuẩn có 91/91 đạt 100%; 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Có đủ số người được phân công phụ trách theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Đạt tỉ lệ 1,28 giáo viên/lớp.

- Hạn chế (hạn chế chung và hạn chế của trường cụ thể nếu có):

+ Một số trường thiếu giáo viên, thiếu phòng học, dẫn đến học 2 buổi/ngày của các nhà trường có gặp khó khăn, giáo viên phải dạy tăng giờ cao hơn định mức quy định... đặc biệt như Trường THCS Yên Phú. Có những giáo viên phải chủ nhiệm 2 lớp, số tiết dạy/tuần có những người gấp đôi với số tiết thực dạy theo quy định.

+ Nhân viên y tế học đường chưa có, các vị trí việc làm dùng chung tại một số nhà trường chưa đảm bảo, thiếu.

+ Trường TH&THCS Việt Cường, có giáo viên dạy THCS thiếu, khiến 1 giáo viên phải dạy nhiều môn, nhiều khối lớp... dẫn đến công tác điều tra phổ cập của nhiều thôn cũng gặp khó khăn do thiếu nhân sự...

- Giải pháp khắc phục hạn chế trong thời gian tới:

+ Bổ sung biên chế mới, luân chuyển các trường thừa về trường thiếu, đảm bảo đủ tiết dạy cơ bản và tăng giờ trong quy định của Luật lao động. Tuyên truyền giáo viên nâng cao tinh thần nhiệt huyết, tâm huyết với công tác giảng dạy khi phải dạy nhiều điểm trường...

+ Tăng cường nhân viên y tế ở các trạm y tế luân phiên trực tại các nhà trường, do việc phát sinh các học sinh.

c) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

TT	Xã/phường/thị trấn	Số lớp	Số phòng học	Tỷ lệ phòng/lớp	Đánh giá đạt/không đạt
1	Xã Việt Yên	71	72	1,01	Đạt

Đánh giá ưu điểm, hạn chế và giải pháp khắc phục trong thời gian tới về các nội dung (theo Thông tư 07) sau:

Ưu điểm:

- Tỷ lệ phòng học/lớp: 72/71 lớp (đạt tỷ lệ 1,01 phòng/lớp đảm bảo yêu cầu về phòng lớp học theo quy định của phổ cập GDTHCS, phòng làm việc của các đơn vị đảm bảo, có đủ phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện và phòng thí nghiệm)

- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; (Sử dụng thường xuyên, khai thác hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học có trong nhà trường để giảng dạy. Sắp xếp đồ dùng, thí nghiệm khoa học, phù hợp, dễ lấy, dễ sử dụng)

- Có đủ sân chơi và bãi tập đảm bảo diện tích theo quy định của Bộ GD&ĐT và được thường xuyên sử dụng; Có đủ nguồn nước hợp vệ sinh, sạch, hệ thống thoát nước đảm bảo; Có đủ công trình vệ sinh cho giáo viên và học sinh, đảm bảo phân khu riêng biệt nam nữ.

Tồn tại:

+ Thực hiện công tác điều tra phổ cập còn nhiều khó khăn, do số lượng dân di chuyển vùng do thay đổi nơi làm việc, dân số đông, biến động chuyển đi - đến nhiều... file dữ liệu gốc theo mã trường, tên trường mới sau khi cập nhật địa giới hành chính chưa có thông tin đồng bộ chính xác.

+ Thiếu đồ dùng học tập, phòng học, thiết bị ... phục vụ công tác giảng dạy chưa được cấp phát thường xuyên, bổ sung định kỳ. Như máy tính, các bộ môn Vật lý, Công nghệ... Chưa có nhà đa năng, phòng tập, thiếu nhà vệ sinh cho học sinh hoặc nhà vệ sinh đã xuống cấp, hết thời gian khấu hao... chưa có nguồn sửa chữa, nâng cấp hàng năm. Nhiều năm chưa được cấp bổ sung thiết bị dạy học, thủ tục mua sắm tập trung ít được đầu tư bổ sung trang thiết bị dạy học cơ bản, các phòng chức năng chưa có đủ thiết bị để dạy học... cơ sở vật chất còn thiếu.

Biện pháp khắc phục:

+ Theo dõi chi tiết, chính xác từng nhà trường các trường hợp biến động, sinh mới, chết, chuyển đi - chuyển đến....

Kết quả PCGD trung học cơ sở: Đạt chuẩn mức độ 3

5. Xóa mù chữ:

a) Biết chữ mức độ 1 (hoàn thành giai đoạn 1 của chương trình XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ hoặc lớp 3 chương trình GD tiểu học):

TT	Xã/phường/thị trấn	Dân độ tuổi 15 đến 35				Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng số	Số dân biết chữ mức độ 1	Tỷ lệ biết chữ mức độ 1	Số chưa biết chữ mức độ 1	
1	Xã Việt Yên	13.313	13.313	100%	0	Đạt

b) Biết chữ mức độ 2 (hoàn thành giai đoạn 2 của chương trình XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ hoặc lớp 5 chương trình GD tiểu học):

TT	Xã/phường/thị trấn	Dân độ tuổi 15 đến 60				Đánh giá đạt/không đạt
		Tổng số	Số dân biết chữ mức độ 2	Tỷ lệ biết chữ mức độ 2	Số dân chưa biết chữ mức độ 2	
1	Xã Việt Yên	27.566	27.566	100%	0	Đạt

c) Đội ngũ giáo viên, nhân viên:

TT	Xã/phường/thị trấn	Số người theo dõi công tác PCGD, XMC	Đánh giá có khả năng huy động đủ/không đủ giáo viên đạt chuẩn trình độ để tham gia dạy XMC	Đánh giá đạt/không đạt
1	Xã Việt Yên	113	Đủ	Đạt

d) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

TT	Xã/phường/thị trấn	Đánh giá có khả năng huy động đủ/không đủ điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị để dạy học XMC
1	Xã Việt Yên	Đủ điều kiện

Kết quả đạt chuẩn xóa mù chữ: Đạt mức độ 2**Tổng hợp kết quả PCGD, XMC của các đơn vị:**

TT	Đơn vị	PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi	Đạt chuẩn PCGD tiểu học	Đạt chuẩn XMC	Đạt chuẩn PCGD THCS
1	Xã Việt Yên	Đạt chuẩn	Mức độ 3	Mức độ 2	Mức độ 3

III. KINH PHÍ

- Đề nghị các cấp lãnh đạo quan tâm, cấp thêm ngân sách cho công tác điều tra phổ cập giáo dục hàng năm: Văn phòng phẩm, hỗ trợ công điều tra, tập huấn..

- Nâng cấp server lưu trữ dữ liệu, phần mềm PCGD chuẩn hóa để trong quá trình thực hiện đảm bảo dữ liệu sạch, đúng, đầy đủ, chính xác, khoa học.

Phần III**PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN TRONG NĂM 2026**

1. Lập kế hoạch và thực hiện công tác PCGD, XMC sớm nhằm đạt kết quả cao hơn.

2. Các bộ phận, phòng ban: Lãnh đạo thôn, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên kết hợp với các nhà trường trong công tác đi tra PCGD, XMC.

Phần IV**ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ****1. Đối với Sở GD&ĐT**

Hàng năm tổng kết công tác PCGD, XMC có khen thưởng đối với những người làm PCGD, XMC như một hoạt động chuyên môn được cấp xã hàng năm đề nghị.

Các trường THPT cung cấp dữ liệu học sinh tại địa phương đang học tại nhà trường, học sinh đỗ đại học. Đảm bảo dữ liệu điều tra được đối chiếu, chuẩn dữ liệu trên từng phiếu điều tra.

Có phần mềm PCGD riêng cho tỉnh, tích hợp với phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia trong độ tuổi từ 0-60 tuổi...

2. Đối với Bộ GD&ĐT

Sớm có phần mềm phổ cập giáo dục cho toàn quốc, đảm bảo dữ liệu về báo cáo, thống kê chính xác, đồng bộ để thực hiện tốt công tác chuyển đổi số.

Ghi chú: Dữ liệu được lưu trữ và báo cáo chi tiết đính kèm:

https://drive.google.com/drive/folders/1jhF-twG7JF-og41sE1GQ--il4wXk05hV?usp=drive_link

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Tân Khanh